

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TỬ TRÌ KỶ

QUYỂN TRUNG (PHẦN 2 - 2)

BA MƯỜI PHÁP XẢ ĐẠO

Ba mươi pháp xả đạo tên gồm cả tội sám. Luật bốn tùy theo giới đều nêu cách sám hối, vì thế riêng thiên này chỉ cách sám như ở sau, tức là thiên sám hối.

Giới thứ nhất: Chứa y dư.

Một thưở nợ, Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm tỳ-kheo sáu vị chứa nhiều y dư. Họ thường săn sóc, trang nghiêm y phục, cất chứa như vậy, do nhân duyên này Đức Phật chế giới.

Trong phân chế y nói: Công đức tài: Tài là dụ cho giới pháp có công năng cứu giúp sự nghèo khổ. Nếu tham lợi dưỡng ở đời thì sẽ đánh mất đạo tài. Nếu muốn giàu có đạo tài thì phải xa lánh danh lợi ở đời.

- 1- Tăng thêm hoặc chường.
- 2- Nuôi lớn nghiệp ác.
- 3- Trái với giáo hạnh.

Trong duyên thứ nhất, khoa đầu: Câu trên là định sự thuộc, câu dưới từ vị trở xuống là nêu danh thể.

Ngoài ba y nghĩa là nếu thọ một trăm lẻ một vật, ngoài một trăm lẻ một là dư. Trong phân phân biệt, khoa đầu trước là dẫn hai văn để định lượng. Nếu trở xuống là giải thích tương phạm. Đầu tiên nói đúng lượng, ở sau dẫn ra trong luận Tát-bà-đa nói không đúng lượng. Người xưa y cứ theo luật không nên trái phạm, nay theo thánh luận thì tội phân ra ba-dật-đề và đột-cát-la, phạm tội sám hối không khác. Xem trong đó thì đây y cứ vào chánh, thọ thêm vì người thọ mà nói: ắt đối với thọ chung bên ngoài phải tịnh thí, trong phần ba lại có ba.

Ban đầu không thọ không phạm thì không có chứa dư riêng, hai tội khuyết và hoại theo ngày mà kết. Từ nhược hạ trở xuống là dùng vật

dư làm vật thọ, trước nói rõ thêm thọ thất tịnh, ngăn ngừa không dư là do tịnh vốn ngăn chứa dư, nay chẳng phải dư. Ở sau nói rõ lại xả thọ, e rằng sau khi đã tịnh không cần nữa. Lại ở sau ý dự định chẳng phải dư tức y cứ vào số ba y.

Hỏi: Ở sau phải trì thêm không?

Đáp: Chỉ cần khởi chứa dư thì không cần phải trì thêm, nên biết y thành khác nhau tự thọ thêm.

Ở sau nói về hạn lượng thước tắc: là nói rõ hạn hai lượng ngoài hạn lượng chẳng phải pháp phục, vẫn nên một y còn hai thứ y theo loại. Tiết vốn âm là chữ tiết, phải làm tiết âm, điệp là bông và vải bố, trong lời hỏi lấy ngày rằm làm cứ, y tính từ ngày mười một đến ngày hai mươi chín hễ đủ thì liền thành, đã đưa ra mười ngày không cho khai thêm, như cắt rọc chỉ sợi tức khởi lỗi chứa dư (lại vì thọ thêm). Ở đây chỉ làm trái với trên nên phải thông hiểu. Trong lời đáp trước y cứ vào có không để chia ra hai thứ khác nhau. Đầu tháng và ngày rằm, nhân kia chỉ có ba y và Già-lê của Tỳ-kheo, nên bị hư nát mười ngày làm chưa xong bèn khai cho một tháng, nên biết ở trước có nói rõ.

Phần thượng hạ, quyết phần thượng chỉ ra làm không khai cho vốn có, trong phần kết những điều phải chỉ bày ngắn gọn những vật khác chẳng phải đã phạm, ở sau dẫn chứng là các việc y cứ vào số ngày để chia ra bốn y. Đại y là y năm ngày, y bảy điều là y bốn ngày, y năm điều là y hai ngày, y dư là y một ngày, sợ họ chứa y phế bỏ nghiệp ta hành. Y cứ vào hạn lượng của ngày thì rõ ràng chẳng phải vật khác, ngoài ra trong các duyên như ở khoa đầu.

Thứ hai thuộc về đã định, tuy đã dư mà quên các duyên khác nhau không nhất định. Nói quên, v.v... là ở sau có tám môn, không phạm đều chẳng phải nhất định. Trong đoạn ba chú giải vải lông là ở đây y cứ vào tướng y không thành mà vì họ giải thích duyên thứ ba, nói rõ trong phần chừng. Nói địa xong tức minh tướng hiện, mới có thể hiện rõ, chỉ đồng với ở trước là phần thượng nói quá giới hạn tác pháp, sám hối Đột-cát-la.

Khoa kế nói rằng buộc là bất luận thể tài đồng hay khác, nhiều hay ít, đồng thì làm một vật, không ràng buộc là dù ở một chỗ cũng tùy theo việc mà có phạm khác nhau, việc thuyết tịnh ly hợp cũng đồng. Trong tướng nhiễm ngày đầu được là năng nhiễm, chín ngày sau được là sở nhiễm, e rằng thể tài đại tử khác nhau, không có tướng nhiễm, hoặc có thể trước kia tính không đúng lượng thì không phạm, nên hỏi để quyết nghị.

Trong phần đầu hỏi đáp, câu trên chánh đáp như ở sau sẽ nêu. Do trước giới ăn no đủ khoảng năm việc chánh, sau này phạm chung hai giới ăn, có thể là nêu bày sở nhiễm (xưa nói đều làm cách sám là sai, y tuy là tướng nhiễm mà tội tùy theo lớn nhỏ không thể lẫn lộn).

Kế là trong phần hỏi đáp, trước nói rõ sám hối đồng với ở sau chỉ bày nhiễm đồng. Lớn là đúng lượng, nhỏ là không đúng lượng, trong luật nêu kết như trước đã dẫn ra.

Giải thích trong phần thứ tư luật Tăng-kỳ văn chia làm hai.

Ban đầu nói chung sáu duyên đều chưa vào tay nên không phạm. Từ nhược hạ trở xuống là hai pháp chi bày khác nhau. Vật của tăng lại có hai.

Đầu tiên nói không có phần.

Hỏi: Khác với trước thế nào?

Đáp: Trước nói phân chia vào tay, thì rõ phần chưa thuộc về mình. Ở đây nói Tăng chưa chia thì là một bễ chưa có phần. Như kế ở sau nói đã phân chia, một người tác tịnh chung đến người khác. Trong chú giải nói rõ hai người cùng phân chia là phạm, ở đây nói không tác tịnh quá ngày phạm xả đọa nên phải hòa hợp, cùng sinh hoạt thuộc về mình đã định, không phân chia nhau trái lại nên chẳng trái nhau. Năm việc trong luật Tử Phần là trong hai y nêu bày đủ, y dư là một trong năm y đã vào tay, bên tăng thiếu mất mà không đối thuyết, nhưng tay chưa được cầm nắm thì cho đợi người, y theo nghĩa sau đây mà quyết định. Phương khác là chỉ chung chỗ có tăng, lại như xứ này ở bên tăng phần nhiều phải lập, ở chỗ không có tăng phải y theo trên mà khai ra. Trong Đà luận có bốn loại, ba là thân thọ, tưởng tức tâm ràng buộc không đợi thân xúc chạm, nói luận y cứ về mắt và thân trải qua thành bốn câu.

Câu đầu nói nhập vào toán số. Từ đây làm đầu tính đến mười ngày. Câu kế không nêu ra tướng kia, như mây mù trong tối mà thọ vật. Thứ ba cũng đều vào toán số nên biết. Trái lại thì chẳng phải toán số, đặc biệt hiển bày tướng lạ. Thứ tư đều chẳng phải như vật ở chỗ khác sai bảo, khiến cho thọ tâm và loại tác tưởng Đà luận, đều được nhập vào toán số. Giải thích phần thứ hai có tám môn không nhiễm.

Đầu tiên khéo chỉ bày môn thứ nhất, trong luật cú pháp rất rườm rà, người nào cần thì tự xem xét, trong đó có mười đoạn.

Đoạn đầu mười ngày đều được, nay trong số sao không nêu ra.

Đoạn thứ hai chỉ có một ngày không được tự có chín câu. Trong số sao chép: hai ngày không được thì đây nêu câu đầu. Trong văn nói: ngày đầu được, ngày thứ hai không được, ngày thứ ba cho đến ngày

thứ mười được, trong ngày thứ chín được đều là phạm Ni Tát-kỳ (trong khoảng giữa đạt khái lại có bảy câu, còn cho đến bao gồm trong đó. Như nói ngày thứ nhất được, ngày thứ hai được, ngày thứ ba không được, như vậy bèn tùy theo câu đưa ra một ngày cho đến ngày thứ mười một thì đây nêu câu thứ chín (hợp thành chữ (thập nhật) ở đời lầm lẫn phần nhiều giải sai, do không xem kỹ văn). Trong văn nói: một ngày, hai ngày cho đến chín ngày được, mười ngày không được, trong chín ngày đã được y đều phạm Ni Tát-kỳ. Trong luật nêu ra tám ngày được, hai ngày không được, cho đến rốt sau một ngày được, chín ngày không được cộng với tám đoạn, trong số sao đều lược nhưng nói rõ ngôi vị đầu thứ hai và hai câu sau, ngoài ra nên biết.

Nhưng nếu ngày không được y thì không có tướng nhiễm, nên nói chung đều không phạm. Như ở sau kết trước nêu sau nên nói chung là tám môn. Không có pháp duyên thì chẳng phải tám môn khai ra. Hai thì ở sau nêu bày bảy môn khác (làm câu đều đồng ở trước nêu ra đầy đủ như có khác nhau).

Bốn tức đoạt mất. Năm là bị cháy bị trôi nên trong chú giải có nói. Trước tức thiêu đốt, trong sáu thứ lần lượt làm mũ và nón vợ không thuộc về chứa dư. Thứ tám trong chú giải câu đầu gồm nêu, hai câu kế giải thích riêng, câu sau nêu bày để khai trong thay đổi văn đầu, do luật nói chung cho giải thích văn khác, nên phải quyết đúng, khoa kế hai câu đầu nêu ra giải thích xưa, văn ấy cho rằng đối được y mới vì y trước nhiễm phạm nên phạm Ni-tát-kỳ, không được dùng nên phạm tội Đột-cát-la, ở sau luận dẫn ra phân tích văn có hai đoạn.

Đầu tiên nói về sám hối xả đọa, sau tuy đổi lại đều từ phạm căn bản, đúng và không đúng hai thứ khác nhau (trên là nhân nêu ra văn sau là dùng). Hai y là đúng lượng và không đúng lượng, ở sau đồng.

Hai như ở sau chính là nói rõ thay đổi văn nói trao đổi, văn nói ở sau y không sám hối, không xả rất là sai lầm. Đã nhập tịnh là y mới không nhuộm nên là tịnh pháp. Trong ba đoạn văn ở đầu nói về một đề, y theo trên luận nói sám tội trước, kế là phân tích một kết, sau dẫn luật để chứng minh, văn chế không nên trái giáo phần kết nói về chữ “kết”. Trong cái không phạm khoa đầu, trừ tám môn trước có hai, ba nhị vị trở xuống nói về y bị đoạt, bị mất, bị đốt, bị trôi, đồng với bốn, năm pháp trước còn lại sơ lược không nêu ra. Kế là trong tướng khác nói cướp đoạt, v.v... là luật nêu bày bốn tướng, ở đây chỉ nói về cướp đoạt, còn lại ba thứ sau ý là đồng, luật này chỉ khai không phạm, nếu không rõ thì khai lại, nên dẫn trong luật Thập Tụng để quyết định. Trong ba đoạn

vấn đầu bốn duyên khai ra là y cứ vọng tưởng ở trước, ở đây y cứ vào mất thật nên chú giải ngắn gọn.

Hỏi: Nếu sự thật bị cướp đoạt, bị mất làm sao cho được?

Đáp: Y bị cướp đoạt, bị mất, bị nước trôi đều được thọ lại, bị cháy có nghĩa dư tàn cũng không rõ ràng, trong văn chú giải câu cuối do nơi điểm tịnh thọ trì do các duyên bị đoạt bị mất vốn là cách thọ. Sau được trở lại, nghĩa ở duyên lìa y đồng với nhân chỉ bày. Khoa kể chia làm ba: đầu tiên lập lại giải thích: nói thủ chấp nghĩa là có phạm xả ba y, do mất y chánh thì không có lỗi chứa dư, có thể lấy giữ dùng nên nêu bày không phạm. Trong phần chú giải giải thích rất rõ. Già-luận trở xuống kể là dẫn chứng, y quá mười ngày tức phạm chứa y dư là ý do có phạm ắt không lìa y ngã nên lập lời hỏi này.

Trong lời đáp có thể chứng minh thọ thêm mà được thành. Tại sao ở sau nhiều lần giải thích ngăn ngừa, trước chỉ nói là ngay trong thay đổi, luật nói không được nên phải thông hiểu. Trong lời đáp câu đầu giải thích chung văn trước, nay ở sau chính là hiển rõ y hôm nay, màu sắc cũng như số. Ở sau dẫn ra hai văn, sắc thể không bằng và cho thọ thêm đủ để ngày nay nêu bày.

Hỏi: Vì khi tạm thời khai hay vì được mong cầu mà làm?

Đáp: Văn giống như tạm thời khai mà không ngăn thường dùng, nay đem nghĩa phân tích hoặc có thể tìm cầu khác nhau, cuối cùng mưu kế chưa bằng tạm dùng càng tốt, hoặc giữ mình ít muốn đến thân hình ăn mặc đầy đủ, nghĩa chung lâu dài, năm đại trong luật Thiện Kiến thông suốt thấu nhiếp chánh giữa. Trong luật Tăng-kỳ nói y thế tục họ nhân đó mượn đắp tác tịnh, đặt khay nút. Trong luật Tứ Phần chú giải nói vật riêng: là do dùng vật nặng nên y theo đó mà biết. Nhập tịnh mới có lỗi chứa dư, mền nệm thuyết tịnh trong các luật không có văn, nên nói không thấy v.v... Ở sau dẫn trong luật Thập Tụng nói tăng được thọ riêng, nhưng chỉ được thọ dụng không nói thuyết tịnh. Trong luật Ngũ Phần nói trao y thì luật tác pháp thọ y phó chúc. Tức người được gửi đem cất. Thủy lục, v.v... đây đều là y của người bị ngăn cách không kịp cho nên khai, lưu thông tác định đều không phạm nên nói vân vân.

Giới thứ hai:

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, có nhóm Tỳ-kheo sáu vị đem y đến gửi người bà con rồi dạo đi, cho nên chế. Nói trong ba y xem sơ lược y khác. Ngủ đêm là kết tội phạm phần hạn. Nêu bày trong các duyên thứ ba bao gồm chung bốn thứ vô ngại như ở sau có giải thích đủ.

Thứ tư là nếu có duyên đến không kịp thì luật khai cho ở xa xa, nếu về kịp thì cả hai đều không phạm, chẳng phải đây thì là duyên phạm. Thứ năm nêu bày duyên chung khai cho. Giải thích trong pháp thứ nhất văn đầu trước chỉ bày tướng tội, năm y là phụ thêm chế cho ni Kỳ-chi, phù kiên y đều thuộc vào pháp chế, chẳng phải ở sau giải thích ở y dư ở trước.

Đầu tiên chánh giải thích, chứa dư trở xuống là theo chỗ xưa, trong luật nói y dư là chung cho vật dư, lìa y cũng phạm Đột-cát-la. Y cứ vào luật căn bản, hai pháp trước đều bị tội nặng nhẹ cho chế khác, hai cách sau đều xét theo tội, có không là cách phân thọ vật tịnh thuộc về mình và người. Ở sau chỉ giới có số giải sẽ thấy giới lìa y, trong hai pháp cốt yếu nói rõ thọ trì, mà chỉ cách nay y là để làm đúng pháp mới thành thọ. Trong ba khoa, khoa đầu trước chỉ bày ra, như ở sau trong phần giải thích nêu đủ bộ hiệu, trên dưới chỉ bày thông bát. Đầu tiên là chánh chỉ bày, tác pháp tự nhiên trong mỗi giới đều đủ ba thứ vô ngại, nên nói giới chung đều có. Giới và ngại không thông, luật nói già-lam này chẳng phải già-lam kia, xe cây, v.v... đều như vậy. Nên trở xuống là dẫn chứng nghĩa chung.

Xưa cho rằng tướng Già-lam hoại rừng xe cây mọc nên nói (từng ấy). Nay ý không phải như vậy, cho nên chú giải để chỉ bày. Riêng trong phần giải thích nhiệm ngại chia làm hai.

Trước dẫn duyên chế, khiến cho dứt bỏ thôn là tác pháp lập tức, làm lại Yết-ma nhiếp y, năm nghĩa xuất xứ trong luận Tát-bà-đa, văn lược bớt một và ba.

1- Nhóm lại lộn xộn không nhất định (chỉ có giới y là hạn định).

3- Dứt bỏ tranh cãi tức kế sau giải thích ý chế. Tình nữ dâm dăng, tăng vốn tịnh khiết, nên nói trái ngược, nghịch cũng là trái. Dù không làm quấy cũng sinh nghi chê bai, nên nói chê bai, ở sau Đức Phật gồm nêu các loại giới hiển bày chế này, ngủ và đi mỗi phen ngồi gồm thâu ở chỗ vắng và trống hai pháp không nhất định, đồng ở chung tức trừ thôn ra, như ở sau biết chỉ bày danh tướng, trong cách ngại dẫn duyên luật tuy không lìa tội mà không ngại mất thọ, nên được thành ngại, chữ sấp viết lầm luật thành khó khăn, ở sau dẫn trong Tăng-kỳ, trong Tăng-kỳ có việc phân chia, có chìa khóa, có bậc thang đều có thể vào, nên trái lại đây thành ngại. Trong tình ngại có ba đoạn văn đều y cứ theo tâm tưởng thành ngại, văn trong bốn luật thấy không phạm, Tăng-kỳ như tộc giới ở sau. Trong luận Tát-bà-đa người đi đại tiểu thì trong luận tác pháp chỗ đi lại, tức là đường đi (hoặc nói chỗ tiện lợi). Dương thân y

thế lực, huyền thuật mê hoặc chúng, âm nhạc làm lung lạc tâm hồn. Tất cả những người này đều có thể sợ tránh nên thành ra ngại, để ở sau kết tên. Trong giới ngại khoa đầu, trước chỉ bày hai giới, trên dưới nói rõ ngại khác.

Ban đầu nói về giới chung cho ba ngại. Như ở sau chánh hiển bày giới ngại. Văn nói mỗi giới giữ gìn chung, thì hiển bày lẫn nhau không chung, năm pháp dẫn chứng ở sau không tự tại, nghĩa là có ba ngại, trái lại ở trên lá được tự tại. Riêng trong phần giải thích văn, ban đầu tác pháp ngữ thông, ở đây cho hai rằng kết y nhiếp giới. Như riêng nhiếp về tăng, chỉ thuộc giới già-lam tự nhiên. Ở sau là thiên hai y, khoa kế đăng ở trong giới thông, khoa kế thể biệt tướng đồng nên hợp lại nói rõ. Ban đầu là nêu danh, đều ở sau chỉ bày tướng, tướng vách là một hàng rào chia làm hai, hai loại này đều y cứ vào vây quanh. Rào tường không khắp chia làm ba, nghĩa là vây quanh bốn bên có thiếu, nếu chỉ có ba phía có ngăn che cũng thành tướng thôn, chung quanh bốn phía nhà chia làm bốn.

Nghĩa là trên có ngăn che như rèm tướng v.v...

Khoa kế dẫn các việc xưa trong đó trước đưa ra ý xưa, từ đây trở xuống là đoạt phá, đã nói tướng hoại thì chẳng phải già-lam thôn xóm, xe cây tự lập nên nói là biệt giới.

Sớ chép: Nếu thiếu chẳng phải việc của Già-lam đồng với đồng trống. Nay trong giải thích, đầu tiên lập nghĩa, từ chữ Tăng trở xuống dẫn chứng văn như trước đã giải thích, chính ở sau đưa ra nêu bày, phòng nhà bao gồm kho chứa, v.v... chùa ni tức Già-lam tướng khác rất dễ thấy.

Ba món ngại đồng biệt đều đồng Già-lam và thôn xóm, nên nói cũng vậy. Trong giới cây, văn ở đầu và mọi người là chỉ bày hạn lượng cao. Bóng râm của ngôi kiết già tức là mức lượng rộng, tướng này rất nhỏ, về sau không dùng nên chú giải chỉ bày, khoa kế trong luật Thập Tụng, riêng về cây gọi là cây nối tiếp nhau thành rừng, mỗi cây hiển bày phần chứng như văn rất dễ thấy. Câu-lô-xá là hai dặm. Trong luật Thiện Kiến ban đầu văn của luận, cây là lấy lúc bóng che tùy theo lớn nhỏ, rừng không có giới hạn nên y cứ vào lượng khuỷu tay, mười bốn khuỷu gồm hai trượng năm thước hai tấc, được bốn bước hơn hai thước, người qua lại cho rằng có ngại. Trên dưới hội thông, luật luận tướng rừng khác nhau, nan tức là ngại, trong luật Tăng-kỳ man là đậu tía, hai mươi lăm khuỷu tay gồm bốn trượng năm thước, được bảy bước rưỡi, bốn phía lấy đó thì cách nhau mười lăm bước, ở đây y cứ rộng nhất để

ước lượng, hẹp thì tùy theo giá lớn nhỏ, trên dưới chính giữa dẫn ra luận chánh lấy tướng cây. Lầu là tướng nhân, trên là chỗ ở dưới là nói có nghĩa đây, không cần nơi ở, giới tràng tùy theo chỗ nên không rõ hạn lượng. Trong xe thuyền ban đầu nêu tên, đều ở lục địa xe không xuống nước, cần gì phải phân biệt lục địa y cứ nghĩa, hợp lại nói đều ở trên đất, nói tướng tu mới hiển rõ, luật trở xuống là dẫn bày.

Ban đầu nói hạn lượng chỗ ở xoay chuyển lấy chu vi nội địa. Từ mười trở xuống nói về hạn lượng đi, ban đầu nói đi xe khoảng nhiều xe nối tiếp nhau mà nói. Chỗ quơ gậy đến, gậy là vật mà người ngồi trên xe cầm.

Trong luật Tăng-kỳ trở xuống nói đi thuyền, nhiều chỗ ở, tức là trước sau trong một thuyền mỗi mỗi đều y cứ giới hạn của nhà cửa khoa đầu trước chỉ bày thế, luật chỉ nêu bày tên, nên nói là vô tướng. Nhà ngoài thôn, tức các loại am tranh, nhà cửa trong ruộng vườn ngày nay, thôn xóm như ở sau tức chỉ bày khoa sau. Chữ Tăng trở xuống là nói về hạn lượng. Trước y theo luật Tăng-kỳ nói lầu gác thì lấy cầu thang ghé ngồi bên ngoài.

Kế y cứ vào bốn tông kho lẫm, y cứ bốn phía bên trong. Hai luật không đưa ra hạn lượng chánh của giới hạn nhà, nên nói là cả hai không có. Nay y theo dùng giới hạn riêng tùy theo người lấy hay bỏ, nên nói được tùy ý. Có chỗ nói: theo luật Tăng-kỳ thì không có bốn chướng, có nơi thì lấy trong luật Tứ Phần, khoa kế có nêu trong đó. Nếu y cứ theo thôn xóm, xóm làng hợp lại ở ban đầu có nói, nhưng nhà ở ngoài tụ lại, nên phải nói rõ. Lại do nhà và xóm làng hai giới xen lẫn nhau nên nương đây để giải thích, nên nói đối với các pháp trên do đó giải thích, văn đầu tiên trong xóm làng. Trong Tứ Phần nói thôn xóm, làng ấp danh tướng chẳng khác. Trong luật Thiện Kiến y cứ vào thành thị lại phân ra tên gọi có khác, cho đến nói về tướng hộ y cũng không khác, trong luận Tát-ba-đa chép: bốn câu xóm làng chỉ ở một nhà thì y giới hạn xóm làng, nhiều nhà tức từ giới hạn cửa nhà, nên xem xét ở đây có khác mới không xen lộn nhau.

Khoa kế định danh trong đó, cộng trụ tức nghĩa xóm làng, cũng như ở vậy. Nay đây không giải thích, không lấy hai phần trong luật Thiện Kiến y cứ vào thành thị. Trong giới xóm làng chia làm hai, ban đầu nói về biệt giới, văn nêu ba tướng tùy theo một tướng nào làm chuẩn, trong luận tính người ở trong đó bản tên không gần không xa, ở đây cho rằng phần chứng ngoài xóm làng, trong là một giới, ngoài là giới khác.

Kế trong đồng giới lại có hai:

Ban đầu đến cũng vậy, tức là xóm làng chẳng phải nhà.

Kế nếu đồng tức là nhà chẳng phải tu, trong ban đầu trước y cứ vào nhiều xóm làng liên tiếp tay xe xoay chuyển. Luận chép: hai bên có xóm làng, chẳng giữa có đường cho xe đi lại. Nếu hai đầu trục xe đến xóm làng thì không mất y. Lại nói rằng: bốn bên có xóm làng lấy mười hai bậc thang bốn phía đến trên tường lên xuống, ra vào không lìa y. Văn nêu xe bậc thang là dùng bậc thang chỉ bày tướng, xe có thể y cứ theo đồng. Ở đây nói bốn tướng xóm làng và hợp thành một giới, tùy theo y ở chỗ nào đều không thành mất. Xóm làng trở xuống, y cứ một xóm làng không nhiếp hộ. Ban đầu nói ngoài nhà không mất, vì không xóm làng cho nên như trong chú giải đã nói, xe bậc thang lên xuống, là nói làm bậc thang để lên xuống xe.

Nếu tự nhiên tức phần chứng ngoài xóm làng.

Trên y cứ vào trong áo ngoài thân.

Nếu dưới y xen trái nghĩa trên, đều đồng không mất (trên đều là câu đầu trong luận Tát-bà-đa).

Kế là nhà chẳng phải trong xóm làng, do nhiều nhà giới riêng không thông với xóm làng nên nhà trong giới (tức hai ba câu trước).

Ban đầu nêu bày hai lần giải thích, giới riêng không chung tức là nhiếp tụ, đồng giới chung nhà cho nên bốn lập. Trong giới tụ nêu giải thích đồng với trên.

Mỗi trụ xứ là trong một nhà riêng giới hạn của tụ.

Giới riêng có hai.

Ban đầu làm thức ăn, v.v... tức chúng cùng chỗ, kế là hai chỗ tức khác chỗ tụ, trong nhiều xóm làng hai văn có thể hiểu.

Trong luật Tăng-kỳ nói y lìa đầu là phạm, do lìa đứng dậy thân ở xóm làng khác (không đồng với xe và bậc thang trong luận Tát-bà-đa nói) trong nhà riêng.

Trong luật Thập Tụng giới hạn của nhà gọi là lạm Tứ phần, hiển bày tướng tự khác, như văn rất dễ thấy.

Văn đầu tiên trước nói thấy khác, nhà cửa, v.v... tức các chỗ ở, một nhà, nhà khác tức các chỗ ở, như ở sau nói thấy đồng. Do tình đồng nên kia đây hộ chung.

Người cười giỡn gọi là các người có tài năng đùa giỡn.

Đạo đi qua lại tạm nghỉ ở nhà đều là nhóm lại. Hiện về phạm hay không phạm phần nhiều đồng với ngoại đạo. Thù trong là ở trong nhà, cũng y cứ về đồng khác của chủ hiện tướng không mất, tìm văn có thể

hiểu. Trong phần biết có chỉ bày cho phép còn dùng.

Hỏi: Thôn giới trong Tư Phần khác với đây chỗ nào.

Đáp: Nếu y cứ về tướng, nói về hạn cuộc bốn tướng của thôn xóm thì thôn xóm chung giới hạn. Nếu y cứ tên nói về thôn xóm thì không có riêng, lại thôn xóm chỉ có một tướng xóm làng thông nhiều chỗ.

Hỏi: Môn này đã nói rõ xóm làng nhà các giới trong mười hai loại thuộc về chỗ nào?

Đáp: Đây tức là bao gồm các bộ.

Trước nói về giới hạn của thôn, tướng có khác nhau, y cứ sai biệt thì các tướng khác nhau, thông về luận thì đều quy nhiếp về thôn, nhà và kho lẫm đều lấy trong giới hạn, nghĩa đồng với tướng thôn, nhưng sự dụng có khác nhau, cho nên chia ra khác. Trong Lan-nhã, chú thích không có giới hạn e người hiểu lầm không có giới hạn Lan-nhã.

Tám cây có bảy khoảng, một cung có bảy thước hai tấc, bảy cung thành năm trượng bốn tấc, bảy khoảng gồm ba mươi lăm trượng hai thước tám tấc, sáu thước là bước, có năm mươi bước, gồm ba mươi trượng, tám bước gồm bốn trượng tám thước, chỗ khác như trong số sao, bao gồm phần thế lại thêm mười ba bước, thì bảy mươi một bước bốn thước tám tấc, nên gọi là có dư. Trong bộ khác nói đạo hành giới.

Vấn đầu tiên trước nói về hạn lượng của giới, bốn mươi chín tầm, một tầm dài tám thước, gồm ba mươi chín trượng hai thước, tổng cộng hơn sáu mươi lăm bước.

Trong luận Tát-bà-đa ở sau có nói bề dọc bề rộng, nghĩa là lấy từ bốn hướng thân người. Trong luật Tăng-kỳ ở sau giải quyết nghi ngại, trong giới đạo hành lìa phạm giống như ngoài hạn lượng, nên y cứ vào cây Lan-nhã khác giới hạn để quyết nghi.

Khoa đầu trong duyên khác, trong luật Thiện Kiến có hai.

Ban đầu nói không mất, người và y đồng giới khởi tướng hư dối, nương ví dụ ở sau, sự trước vào giới.

Thứ tư: nghĩa là ngoài giới hạn không mất y chỉ, luật trở xuống hội lại có khác, trong luật bị cướp, bị mất, v.v... tướng mất y không có tội khác với luận, nên y cứ ngoài giới hạn là thông, y theo ở sau chú giải rằng: luật y cứ mất thể, luận y cứ mất thọ, cho nên mất khác với không mất, thì không nói về trong ngoài của giới. Như thế ở sau nói về mất.

Hạ chưa đủ là do đủ năm hạ cho lìa y chỉ, lìa thầy phạm Đột-cát-la nghe pháp, khai cho lìa y, Hòa-thượng lợi ích không bằng người khác. Trong gặp duyên trước dẫn văn luận có hai duyên. Tiểu tiện, v.v... là tự duyên gặp thêm vào thực hành là duyên khác.

Giới hạn của xe chuyển là xưa có ghi dẫn trong số sao rằng: Tỳ-kheo ra khỏi giới trở về chùa mấy bước minh tướng xuất hiện, bạch Phật, Đức Phật cho ở chỗ minh tướng xuất hiện đó để một xe (lấy một cành tre cao bằng Tăng-già-lam, đem một đầu cây đây để vào trong xe, một đầu để ngoài xe xoay chuyển xe này. Nếu đầu cây bỏ đến tướng già-lam lại xoay chuyển chỗ minh tướng xuất hiện thì y không mất, tức duyên khai lia y có đủ nhiều tướng, nên nói là nói rộng.

Kế là đưa ra số giải, ban đầu giải tự duyên, bịnh sợ sệt là giải các chữ trên.

Lại ở sau giải thêm hạnh khác ban đầu nêu bày khai cho.

Sau người đi trở xuống lập lại lời giải, cho nạn đây là giải khởi lòng thương.

Tác nghĩa là hưng đây khai ra lời dạy.

Châu giới có mười bốn thôn cũng y cứ vào đại, tiểu tức tùy theo chỗ.

Thủy giới trong luật Thiện Kiến, Mẫu luận y cứ về hai giới hạn thủy lục quả nhiên giải thích về mất.

Trong luật Tăng-kỳ nói hạn lượng giữa nước, nghĩa là lội nước là lên thuyền, tức thuộc về giới hạn của thuyền, nên đặc biệt phân biệt đó.

Trong giới hạn của hạt giống, ban đầu ngữ bên giếng thì y theo hạn lượng khuỷu tay. Sau nói trong giếng, nhưng y theo giống được không lấy hạn lượng bên ngoài. Tay và giầy là hoặc tay hoặc giầy đều được thông hội. Cùng với trên có khác nhau là đưa ra lý do.

Về sai chỉ bày có thể hiểu. Văn đầu tiên trong thế phần, ba câu đầu biết trước, như ở sau dẫn ra chỉ bày. Ban đầu dẫn văn giới hạn của Già-lam, còn mười món đều đồng, nên nói nãi chí, v.v... trong các bộ có nêu.

Nói đều không là như y cứ vào luận nói nghĩa là xe chuyển phần nhiều luận như tên bản và chỗ đồng, giống như là thế phần nhưng không chỉ rõ.

Trong luật Thiện Kiến câu đầu nêu bày, trong luật trở xuống dẫn văn khác nhau.

Việc khác là trong luật giải thích giới hạn của giới trộm xóm làng Lan-nhã, chẳng phải giới hạn của y.

Các sư trở xuống là định hạn lượng. Mười ba bước tức bảy trượng tám thước, tức về sau nói rõ các giới thông bát.

Hỏi: Các pháp vì sao không thông.

Đáp: Giới sơ nói có ba cách giải thích.

1- Vì pháp có cho nên không, vì pháp không cho nên có.

2- Tự nhiên trong ngoài đều là pháp không. Trong tác pháp là pháp có, ngoài thì pháp không.

3- Tự nhiên là bốn chế cho nên khai, tác pháp là khai, tác pháp là khai nên không khai lại.

Trong luật Tăng-kỳ khoa đầu văn có sau cách khai, ban đầu khai mượn nói chúng chứa y dư thọ thêm, y theo nên xa xả y cũ.

Không hề ở sau khai mượn vật thế tục.

Tác tịnh nghĩa là điểm hoại.

Lại ba cách sau khai chạy lại ngoài cửa.

Chờ vượt thành ra là Già-lam liên Tây Vực phần nhiều ở Lan-nhã. Cho nên trong chú giải đầu tiên nói về lý do đến cửa không mất.

Trong luận trở xuống điểm bộ khác nhau, như ở sau bốn lần khai thân phần vào giới, nếu không gọi là nhà cửa.

Không và giới liên tiếp là ngòi rãnh.

Lại ở sau năm cách khai vượt tường.

Chờ khiến người nghi là phải nói khiến cho họ biết. Nếu không trở xuống sáu lần khai từ xa xả, sáng hôm sau phạm thiếu hư hai kiết, không đến phạm xả đọa, nên nhẹ đổi thành nặng.

Khoa kế đầu tiên nói về y theo ở trên dạy gấp rút để xét lại bốn tông, tuy khai thế phần phải y cứ vào vô ngại có thì đồng với luật, nên ở sau chỉ bày.

Đầu tiên nói về không phạm, ba việc chậm gấp, đầu tiên nói có thể nhập, ở hai pháp sau hiển rõ có ngại, không có thế phần.

Chú giải rằng: Việc ngoài giới tuy chẳng phải ngại bên trong thì ở ngoài có duyên cũng khai xả (295), nên ở đây tạm nói rõ, nếu không kể ở sau nói rõ là phạm, văn đầu tiên trong mạnh yếu.

1- Một là trong luật có mười một giới đều có lời này, văn đầu tiên trong phần tướng nhiếp, trước nói chúng tăng thôn xóm có thể nhiếp giới khác. Trong Già-lam có xóm làng thì không có tướng nhiếp, vì cả hai đều mạnh. Cây nhà là nhà, tức giảng đường, nhà kho, v.v... Chữ chữ trở xuống là nói giới khác tự không có tướng nhiếp, xen nhau đi thông suốt nên không có thế phần khác nhau.

2- Trong phần là đều lấy phân nửa, nên tùy theo chỗ xa gần, không cần mười ba bước như ở sau có chỉ bày.

Trong phần ba nhà và kho lẫm, cả ba đều có tướng nên lựa chọn khác nhau.

Đầu tiên nói kho lẫm thuộc về giới, văn lược giới hạn của kho.

Không là kế ở sau nói giới khác không có tướng nhiếp.

Ban đầu là chánh nói, như ở sau có nêu bày.

Không tịnh khắp là tường rào, không có một trong bốn vòng, quyển sau có nói đủ.

Loại là nêu bày kia đây, có thể nói không nhiếp, như ở sau nói rõ đều lập như dưới cây có xe, y theo cây thì giới hạn của cây, y theo xe thì giới hạn của xe, nên nói mỗi mỗi khác nhau.

Như trong lời số là luật nói: ở dưới cây mọi cây và bãi để xe v.v... để không có việc khác, khác giới hạn khác như rừng cây mọc, v.v...

Giải thích trong pháp thứ năm, nói rằng nêu bày sơ lược là luật nói không có duyên, chỉ y cứ vào Ca-đề một tháng, nay thông bao gồm các pháp khai, vì ở đây chỉ bày rộng. Riêng trong phần giải thích ban đầu nói có duyên, ngoài giới cho pháp xả thọ, không đồng đối với tăng tác pháp khai lìa, nên chú giải ngắn gọn.

Trong phần hai chia làm hai loại:

Ban đầu trong pháp khát chú giải rằng: ba mươi là khai cho phần chứng khát.

Xưa chép rằng: trong luận Tát-bà-đa là bảy mươi, nhưng giới số văn luật đều làm ba mươi, chưa rõ là ai. Như số tức giới số trong giới lìa y nói rộng về duyên tướng, phải y cứ y nặng của người bệnh mới thành tác pháp, xen có không thành.

Kế làm Ca-hy là Yết-ma. Thọ rồi khai cho năm tháng lìa y cũng đồng với tăng tác pháp, nên như trong tự tứ.

3- Dời chỗ ở trong đó không gọi là khai lìa, kết nhiếp y đã ngoài già-lam, trong giới đồng không mất.

4- Như giới sau.

5- Tức ngay giới khai thông.

6- Nói hạ xong khai chung một tháng.

7- Cũng ra khỏi lan-nhã lìa y giới. Nhưng y cứ vào nạn giặc duyên riêng là khác.

Khoa đầu trong khoa giảng, lan-nhã gồm có không, không có pháp là bốn vị, có pháp là quy về pháp khai ban đầu (y theo đây nạn giặc duyên riêng, đồng khai sáu đêm, có người giải lẫm giới sau, xin lấy đây làm chứng). Khoa kế chỉ bày năm duyên không tội, thì hiển bày hai thứ khác có tội.

Lấy vật nhẹ đối vật nặng là có tội nên biết. Thứ ba đối với chỗ nào mắc tội. Ở đây cho rằng ba món ngại sau sinh, hoặc cho lìa phạm,

vì chẳng phải một bề không.

Trong phần ba pháp thứ năm mong đoạn mất là do gặp phải ngăn cách, không biết chỗ ở của y không cho là mất. Không mất như ở sau tức trong cái không phạm cẩn thận giữ gìn.

Thứ hai có duyên cho là bệnh chưa lành. Lúc bấy giờ cho là chưa đủ năm tháng, còn một thứ là thứ tư có nạn không mất, vì khó yên tĩnh nên mất.

Thứ sáu Ca-đề chưa hết không mất.

Thứ bảy sáu đêm không mất, vượt quá đây thì mất, chỉ có duyên thứ nhất xả bỏ duyên mất hẳn.

Trong cái không phạm, ban đầu nói về năm tướng.

Hoại tướng nghĩa là nát, v.v... trong chú giải ban đầu giải thích không phạm, quyết định hai câu sau giải thích mất thọ tướng, không có hai câu sau giải thích ý vô tội. Kế dẫn trong luật Thiện Kiến hòa hợp trái nhau. Câu đầu chỉ luận bàn, tức văn của giới đạo hành ở trước, Sư ở sau đưa ra ý luận, chỉ nghi ở bên ngoài cách ánh sáng mất pháp, vì không lo mất thể, dưới đây nêu ra ý luật ngày nay khác trước nên biết. Nếu ở sau nêu bày các duyên đều là khó khai, từ đây trở xuống chung chia ra năm tướng. Giặc, ác thú, v.v... là tình ngại, đường thủy đường bộ cắt đoạn là cách ngại. Trong cái ân cần khi đối nghĩa chia có ba.

Ban đầu nói về trước trên mạn mất pháp mắc tội, nếu ở sau nói rõ siêng năng hộ pháp thì vô tội, văn có hai: ban đầu là chánh pháp, hai câu trên nêu duyên khó thường, ở sau nói về pháp tồn tại, từ đây trở xuống giải thích vô tội, như ở sau nêu bày hai đoạn, siêng hộ đã muốn ở đây lẽ ra pháp còn, chữ trước trở xuống ba lần nói rõ mất pháp vô tội, tức trên không phạm trong khoa sự cách thì chung gồm các ngại, chẳng phải lỗi tình nên vô tội, đây cũng là người cần hộ. Nhưng y cứ vào không biết trông mong đoạn để thành khác trong nhiệm ngại, tấn thối tức phạm, không phạm, y theo trên tình chia ra ba đoạn, nên nói so sánh hai giới ngại nên biết, nên không ở lời nói, lại ở sau phân tích xưa, không chung các bộ là duyên xuất xứ từ trong nhiều luận, v.v... như trước đã dẫn. Trong lời hỏi luật không phạm vẫn không rõ ràng, trong lời đáp lại y cứ vào hai tâm siêng năng biếng nhác để quán từ sự trở xuống, y cứ nêu có thể hiểu.

Trong số lại hỏi: như giới duyên khai, vì sao chia ra siêng năng, biếng nhác?

Đáp: các giới tướng khai đều là vâng theo, ắt có biếng nhác học theo Phạm căn bản, chẳng phải khai chung, trong phần kết chỉ, trong

số giới bốn nói rộng tự nhiên, số Yết-ma nói về tác pháp, cho nên hai chỉ.

Giới thứ ba:

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhưng ba y Tỳ-kheo Tăng-già-lê cũ hoại mười ngày, được cho chứa lâu để tách đủ số, nhóm tỳ-kheo sáu vị lấy đồng y không đủ là gọi người đời đi đạo, do đó chế giới.

Gọi là tháng giữa liền khai cho thời hạn, mong cho rằng thiếu túc số. Trong phiên giải thích, ban đầu trước nêu bày bản chế, chữ sắc trở xuống chỉ dạy giới hạn, trong duyên phạm thứ hai lại nói theo ngôi vị sau, trong đó ngôi vị thiếu tài của chỉ phạm nhiễm. Năm tức Ca-đề một tháng năm tháng, khoa đầu trong phần giải thích trong mười ngày đầu tuy đủ mà không phạm.

Nếu ngày thứ mười đủ phải, ngay trong ngày thành, không như vậy thì ngày thứ mười minh tướng xuất hiện liền phạm, giữa ngày mười chín đồng đủ liền phạm, sau cùng một ngày không đủ cũng phạm, được hay không được không giữa được đủ là phạm, cho nên đồng hay không đồng như ở sau có giải thích.

Khoa kế trong luật Tăng-kỳ, lại y cứ vị đầu tiên nêu bày tướng đầy đủ, làm y sau đó minh tướng xuất hiện làm ngay, do đó chỉ có ba y không được thuyết tịnh. Ban đầu nói có thể xong, nhược trở xuống vội khai rồi, luật nầy dưới hợp trên gấp vội đã xong nghĩa xem xét lại cho nhất định, trong ba điều trước nói đồng và không. Như may một y được nhiều đoạn lẻ tẻ, thể sắc giống nhau gọi là đồng y, ngoài ra không giống không thể làm chung, tức không đồng y, đều được khai một tháng hoặc câu ba y, đồng thời một tháng hoặc là trước sau đều lấy một tháng, nhưng được ít tài tức là ngày đầu, như ở sau nói nhiễm phạm, đồng đủ tức trung vị, hạn cuộc đủ là hậu vị, ở sau giải thích lý do. Về sau có dẫn chứng, không phạm chỉ trước, vì đồng là dư.

Giới thứ tư:

Đức Phật ngự tại La-duyệt-kỳ, Cô ni Liên Hoa Sắc cõi bỏ y báu, đổi y Tỳ-kheo xấu cũ đến chỗ Phật, do đó hỏi mà chế giới).

Giới danh thủ tức là nghiệp, chẳng phải đích thân chọn gần gũi cô ni biệt chúng sau, duyên phạm trong thứ hai, câu đầu nêu duyên. Luật trở xuống là giải thích tướng có ba.

Trước nói thân chẳng phải thân tướng, trong bốn luật chỉ bày chung bà con để hiển bày chẳng phải thân, trong luật Thiện Kiến có

chọn riêng.

Ban đầu chỉ bày khai hai thân, cho đến đại khác là anh em, con cháu tức cậu gì người nhà, đều ở sau có giải thích nghĩa thân, chỉ y cứ về sở thuộc hai họ cha mẹ, lại ở sau lựa chọn chẳng phải thân, vợ xuất gia là do khác họ, nên vợ của chú bác cũng là khác họ, trong luận không đưa ra nên ví dụ đồng, trong luật Thập Tụng ở sau cả hai nói về ý khai thân, thiếu cũng đều cho là Cô ni nghèo thiếu, tăng còn thương xót cứu giúp huống chi là nói không có lý này.

Trong luật nói nếu chẳng phải bà còn cũng không tính được chẳng? Nếu là bà con thì tính xem có thể lấy, không thể lấy v.v...

Trong luật Ngũ Phần ở sau cả ba lựa chọn bà con cô ni tịnh uế, chế kết tội là ngăn người đời chê bai, trong cái thứ ba, đầu tiên y cứ vào duyên định cảnh.

Trong luật Tăng-kỳ phân biệt với các vật khinh, không phạm là nghĩ về đọa thành lời nói, chẳng phải không kết nhẹ.

Trong sở nói y nhiều ưa thích nên nặng, bất chỉ có một cho nên nhẹ, trong bốn tội tâm rộng không gọi là chuyên cần, nhất ý không có tướng khác (có người nói lựa chọn tâm thật là sai). Xin là không phạm, là tâm rộng không cho, cho nên trong Tăng-kỳ ban đầu nói tạm mượn không mượn, vì chẳng phải quyết lấy, như ở sau nói chuyển thì không quán, vì từ người khác lấy, y cứ ở sau hai chúng cũng nên biết, chẳng phải hoàn toàn phạm, như trên đã thông, trong năm pháp ban đầu vẫn thọ gởi không phạm, vì chẳng phải chánh cho.

Khoa kế khiến người đồng phạm, có thể dạy người khác, vì đã khiến tâm dua nịnh, dùng ba pháp trong Tăng ni bàn luận với nhau, người phân nhiều ít tội, không khác nhau. Trong bốn pháp, luật Thập Tụng trước thỉnh và nói pháp đều phân biệt duyên vì chẳng phải bốn ý, trong luật Ngũ Phần trước vô tâm là vì ngăn phương tiện, phải xem xét ni mà chế ra suy lường, y theo ở sau quyết khai ý, giới chế thủ y lại khai thọ thí, chế khai khó có tiêu chuẩn, nên y cứ vào tâm đoan ở sau dẫn trong Tứ phần chứng thành ni thí, nói có chỗ đáng chấp, nhưng tâm tham khó biết, đối cảnh làm cho không, tuy có văn rộng phải theo việc gấp chế, chớ nương lời này dối mình dối người, không phạm có bốn: như văn tướng có khác nhau, chú giải nêu bày bảy đời, trừ trên cha xuống đều thủ ba đời, cao là bảy đời tối thượng, nên cũng có quan trọng, vì quý trọng ông bà, ông bà là đầu tiên, nghĩa là cha của cha là Sơ tổ, nên Mẫu thân y theo đó mà nói, chỉ do cậu dì em cháu tính số.

Giới thứ năm:

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di và Cô Thâu-la-nan-đà ngồi chung gần nhau, Y An Đà-hội dính chất bất tịnh để Cô ni giặt, tên trong giới chế ba việc, do đầu tiên nêu tên, hợp ở trong chế ban đầu chỉ bày hợp ý, ở đây trở xuống là khuyên trì. Câu đầu chỉ bày nghiệp đạo, sau luật y theo chế hiển rõ nặng, nói ba tội là tùy theo việc mà thành phạm, đôi kép khác nhau ở đây y cứ vào phạm nên nói ba.

Trong duyên thứ hai, khoa đầu, luật Thiện Kiến nói vợ xuất gia nghĩa là trước từng làm vợ rồi sau làm Cô ni, họ khác chẳng phải bà con cho nên phạm, như ở sau các việc phạm kết, vì lỗi tình nhẹ.

Trong luật Ngũ Phần làm câu chỉ bày phạm.

1- Để chẳng phải bà con giặt mà bà con giặt.

2- Để chẳng phải bà con giặt mà bà con, chẳng phải bà con cùng giặt.

3- Để bà con, chẳng phải bà con cùng giặt mà bà con tự giặt. Tuy bà con tự giặt vốn sai, chẳng phải bà con cho nên phạm.

4- Khiến bà con, chẳng phải bà con cùng giặt mà chẳng bà con tự giặt.

5- Khiến bà con, chẳng phải bà con cùng giặt mà bà con chẳng phải bà con cùng giặt.

Trong luật Tăng-kỳ vì thầy chẳng phải mình nên khinh, nêu bày răn dè trong đó, trước nói tên mình, cùng liên lụy người khác.

Trong thứ hai, ban đầu dẫn hai luật để rõ nên sau tương dẫn hai luận để phân biệt vật dư.

Trong luật Thiện Kiến không phạm vật nhỏ vì nghĩa thưa.

Trong Già-luận cũng phạm đồng chế y, trong luật Tứ Phần, Tăng-kỳ ban đầu nói rõ bốn câu.

1- Tự mình và sai người thọ.

2- Sai người và cùng tự thọ.

3- Tự mình cùng tự thọ.

4- Sai cùng sai thọ.

Như ở sau nói rõ sai đích thân có Ni đệ tử giặt, tuy là chẳng phải bà con vốn chẳng phải ý. Nếu nói sai thì dạy người khác sai, nếu mặc ở sau nói rõ không sai, tự giặt phương tiện phạm là xưng vô kỳ hạn.

Trong luật Thập Tụng nói có lỗi y, y theo nghĩa ở sau quyết không phạm trọng trước giặt sau đập không kết tội đạo. Không lỗi có nặng, y theo số trong giới ba mươi và bốn giới mặc trọng phạm, giặt y như tránh mưa. Trong văn nói sai giặt, nhuộm, đập phạm ba tội ni-tát-kỳ, trong

luật Tăng-kỳ nói giặt thay đổi là giặt phân nửa, gọi là thay đổi, không là ở sau chỉ bày pháp xả.

Trong luật Ngũ Phần, Tứ Phần nói về nhẹ, đều cho rằng chẳng phải duyên phạm.

Trong luật Thiện Kiến nói trọng về sai khiến, kết hai tội Ni-tát-kỳ là phạm trước, cát-la là tội sau, tức phạm xả y không có nghĩa nặng, không phạm ba tướng, bịnh là duyên khó Phật và chúng tăng mượn họ, đều chẳng phải vật của mình.

Giới thứ sáu:

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-na-đà nói pháp cho người nghe.

Trong tên gọi, phân biệt bà con và đạo đều không phạm, trong ý chế ban đầu là văn.

1- Do cầu nhiều thì hại Phật pháp.

2- Do thế tục có thượng hạ, không hẳn là đồng tâm.

3- Do cầu xin quá độ bị người khinh lờn.

4- Nhân thấy ít muốn, tin pháp là tôn thắng.

Ban đầu là trụ trì trong đó có hại pháp diệt ác.

Ở sau là sinh thiện, khoa kế nói dẫn duyên xưa, ban đầu nêu bày thân nghiệp.

Thọ mạng sinh báo bậc hạ, như núi lạc đà là hình lớn lưng cao như núi. Phật bảo ở sau nói rõ thánh dạy. Pháp ít muốn của Tỳ-kheo thì dục là gốc, tham cầu không nhằm chán chưa khác với bỉ tục, hướng chi giảng pháp nói thiền thân đứng đầu chúng, không chỉ tự mình sai lầm mà làm cho người đời sau cũng sai lầm, xin rõ duyên trên, suy nghĩ lời Phật dạy, tự mình chẳng phải gõ đá đâu không động tâm.

Lại ở sau lập ra minh chế, chữ khát là đi gọi cho, tốt và không tốt là trì hủy. Câu này là lời hỏi của người kia, thật phạm tội đọa là tự nói về đức (đồng với sau khuyên thêm) không thật phạm tội khí, tức là trộm lấy, như tham ở sau y cứ khai nói rõ việc gấp, xoay vần cứu giúp người nghèo thiếu lại chế ở giữa và sau. Không tự tay mình cầm lấy là biết ý gấp, trong chú cho rằng hình đồng không có giới, không giống tịnh nhân, có giới pháp đồng chế đồng chúng ở trên, duyên phạm trong chú giải thứ nhất, trên nói rõ xin thẳng, dưới nói rõ làm y mà xin lúa, tâm dễ dua nịnh, năm thứ lúa là lúa, nếp, đậu, mè bắp; Trong hai cái chỉ bày duyên tướng chẳng phải ở sau ngăn phân biệt, e rằng Ca-đề khai xin không phạm, nên đặc biệt chỉ bày, ắt ở sau không thừa nhận, đây cho rằng thật không thông suốt giúp gấp, chẳng phải là dạy chỗ khai xin

nhau đủ, ước hạn những điều y cứ bà con không lỗi, y cứ về buồn rầu nên kết. Trong luận chép: bà con nhiều của cải theo xin không phạm, nay do nghèo thiếu, làm phiền họ, xin nhiều không đủ, tuy bà con cũng có tội; Trong bốn pháp, hai duyên hợp lại chỉ bày.

Trong văn luật Thập Tụng, Tăng-kỳ ban đầu nói rõ ứng lượng là lượng phạm giới này, không nhất định ba y, bố khuỷu tay gồm bảy thước hai tấc, như ở sau giải thích vì mình, văn nêu bốn tướng, đều là tà cầu, ngoài ra ở sau nói rõ khai xin. Trong Hệ Đầu Vật Cựu chép: các loại khăn mũ, trong duyên đó có một điều cho rằng duyên xếp ba y, như ở sau nói xin ít được nhiều, khai ngăn rất dễ thấy, trong duyên khai ban đầu là duyên khởi, ở sau Phật chỉ bày pháp, thứ lớp bốn pháp khai ra:

- 1- Lấy mình dư.
- 2- Mượn vật người khác.
- 3- Hai thứ sau đều là vật của Tăng.

Có thể là phân y tức vật của mười phương hiện tiền, y của tăng là vật thường trụ thường trụ. Nếu được ở sau nói pháp trả lại, như pháp tự là không có bốn xứ, trái chế Đột-cát-la. Nếu lấy về mình lẽ ra là trong các thiên chỉ bày rộng pháp gặp giặc, nên ở đây chỉ ra. Trong không phạm, đầu tiên chỉ bày duyên khai, trước trong năm duyên vốn chỉ bày bốn thứ, văn thiếu bị cháy trôi, năm pháp ở đây trái với duyên thứ hai ở trên, luận kế ở sau năm pháp thủ chặng giữa, ba pháp trên trái lại thứ tư, hai pháp sau trái lại thứ ba, kế trong luật Ngũ Phần ở sau nói năng sở đều phạm, câu trên nói người thọ thí, nghĩa là hành tà dua nịnh, cầu xin người khác thi thiết thì phạm giới này, câu sau tức người năng thí, nghĩa là không phân biệt cảnh trước mà cùng họ thi thiết sở đọa, ở trên hạn cuộc Tỳ-kheo không chung đạo tục, đạo lẽ ra tội nhẹ, tục sẽ thành nghiệp, tức hai pháp trong hưng trị, đều là thi thiết sở đọa.

Giới thứ bảy:

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo mất y, cư sĩ có lòng tin đưa nhiều y cho tỳ-kheo, các tỳ-kheo nói không cần, nhóm tỳ-kheo sáu vị nói hãy lấy đem cho tôi thọ lại, do đó mà Phật chế giới. Giới gọi là mất ba thọ hai, đó là biết đủ, mất ba thọ ba gọi là quá phần.

Ở sau nêu duyên rằng: Quá biết đủ, duyên phạm thứ ba: y cứ vào tâm họ thi thiết để định tướng phạm, giải thích thứ năm rằng: mất một không lấy hoặc y nặng có thể bỏ, hoặc cho biệt cầu đều mất, lấy hai là trong số nói, do chỗ mất y người chủ cúng có lòng tốt không chỉ lấy hết, trong ba y nói tự tứ, nói chẳng bị mất cho nên cúng dường. Chú thích lại

duyên trên (297). Hỏi dư sót lại: nếu nói là mất nên cho, thì không nên lấy đôi để so sánh, chú thích giới muốn thọ, trên không có chữ bử, trong sự phân biệt cho nên là người khác phạm.

Trong số chép: do tâm đua nịnh cho nên nếu thẳng vì họ, vô tình tốt chưa chắc lấy y (nghĩa là biết họ không mắc lỗi lấy, cho nên vì họ lấy, y theo giới số không có chữ xin, nay vẫn viết lầm). Trong luật không phạm là nếu biết đủ, hoặc thiếu biết đủ, hoặc cho nhiều y (nghĩa là tự tứ thỉnh). Nếu mỏng mịn không chắc, hoặc hai ba lợp làm có dư, như trên mà nói biết đều không phạm.

Giới thứ tám:

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, vợ chồng cư sĩ bàn tính đem giá tiền y sắm y cho Bạt-man-đà, sau biết đến nhà kia khuyên bảo may cho rộng lớn mới tốt, bền chắc, bền chuốc lấy chê bai nên Phật chế. Tên trong giá tiền y, nghĩa là giá trị may y, duyên phạm thứ hai có hạn là quyết định nhiều ít, năm lần tăng thêm giá thường là hai vật, tùy theo một điều thánh phạm. Trong giải thích là một trong mười sáu phần là xưa ghi rằng: tức nay một tiền nhỏ, do nước chia đồng tiền lớn thành mười sáu, một phân một sợi chỉ là nêu cực nhỏ để làm chừng hạn.

Trong luật Thập Tụng có ba thứ, trong luật Tư Phần chỉ không thêm sắc mẫu, rộng dài bền chắc, tức lượng giá tiền, không phạm có sáu.

Ban đầu thọ tự tứ thỉnh, biết đủ giảm bớt giải thích thành ý khai, tuy cho tự ý xin mà không tham cầu, như từ đây trở xuống năm tướng có thể phân, chỉ như trong sở ấy nói giới này tướng phạm cốt yếu ở gốc lụa, ở trên khuyên thêm như khiến mua vải thuộc về giới trước xin.

Lại hỏi: khuyên thêm một sợi chỉ cũng phạm, xin một y mới phạm (tức luật Thập Tụng, Tăng-kỳ tên lượng bốn khuỷu tay khác với ở đây).

Đáp: Xin thí chủ vốn vô tâm, lúc xin mặc tình cho nhiều ít, nghĩa nào là nhẹ ít, nên một y mới phạm, khuyên thêm chặng giữa tâm rộng không hẹn ước rồi định không được, chê ít xin nhiều, tham làm ám ức rất nặng, nên nhiều ít đồng phạm.

Giới thứ chín:

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, hai vợ chồng cư sĩ cùng dự định sắm y cho Bạt-man-đà, người kia nghe đến khuyên hai nhà cùng bàn tính, do đó chế văn chỉ duyên chế đổi thứ lớp trước chỉ ở chữ khuyên, sau đó

thêm hai chữ “hai nhà”. Trong lời sơ hỏi, khuyên hai người cư sĩ cùng may một chiếc y giá tiền vốn không thêm, là có phạm chăng?

Đáp: Như văn nói thêm (trong giới bốn nói, cùng may một y làm cho tốt tức là nghĩa thêm) không thêm thì không phạm.

Hỏi: Nhưng chế hợp hai, không nói ba.

Đáp: Theo ví dụ nên biết, trong phần nói phạm, luật Ngũ Phần tuy là một nhà đồng hợp hai. Trong luật Tăng-kỳ tuy thuận theo ít muốn nhưng cần chẳng xin, liền tự xưng nói nên xếp vào khoa phạm, chẳng bằng nói không tốt. Thô ở sau đoạn phạm thô đồng phạm tế, nên nói là đều. Trong sơ chép: thô cũng đồng phạm ở đây, không phạm đồng với giới trước.

Giới thứ mười:

Phật ngự tại thành La-duyệt, đại thần sai sứ đưa giá tiền y cho Bạt-nan-đà, người kia đem y đến giao cho tịnh chủ rồi do việc xin gấp khiến họ bị phạt, do đó mà chế, tên giới vượt ra ba lần nói sáu yên lặng, gọi là quá hạn, ép ngặt tịnh chủ làm rất lờ là.

Trong sơ hỏi: Giới này là bỏ vua quan hay bỏ tịnh chủ?

Đáp: Căn bản tuy ở vua quan mà ở sau tịnh chủ, rất ưu não cho nên chế, chỉ ở người sau.

Lại nói: Giới này lẽ ra ở sau chứa của báu, vì để chế tịnh chủ. Trong duyên phạm, bốn pháp quá phần ở đây có ba vị.

1-- Thuần nói thì được sáu lần.

2- Ba lần nói, sáu lần im lặng, cộng chung là chín lần (hai im lặng, phải một lời, giới bốn đồng với tướng này).

3- Yên lặng gồm mười hai lần, quá ba giới hạn phạm yên lặng mà xin.

Luật Thiện Kiến chép: Miệng không nói, ngồi hay không ngồi, cho thức ăn không thọ, nói pháp chủ nguyện tất cả không được. Nếu hỏi vì sao mà đến đây?

Đáp: Cư sĩ tự biết.

Trong không phạm, ban đầu nói với chủ.

Trong giới bốn nói: Nếu không được y, từ chỗ đến chỗ thì nói với chủ, song thí chủ kia đối với vật không phiền thì không có nghĩa ép ngặt, nếu vì ở sau chánh nêu thì không phạm, ban đầu nói về vật dư. Nếu y cứ theo duyên của giới chỉ nói là trao đổi, y theo đây phải dựa theo pháp y thành phạm. Ba-lợi-ca-la, Hán dịch Trợ Thân, lời nói mềm mỏng chẳng phải quá ép.

Giới mười một:

Đức Phật ngự tại nước Khoáng Dã, nhóm Tỳ-kheo sáu vị đến nhà nuôi tằm xin tơ tằm làm ngọa cụ, xem phơi kén, chuốc lấy sự chê bai, nhân đó mà Phật chế. Trong giới bốn làm ngọa cụ, người xưa thích đẹp nên nói thẳng Ca-la để khác, trong ý chế ban đầu như giới duyên khởi, người đời chê bai rằng:

- 1- Hại mạng chúng sinh không có chánh pháp.
- 2- Tu hạnh từ.
- 3- Không mưu cầu.
- 4- Không xúi giục làm người khác phiền não.

Hai pháp trước là thế tục, hai pháp sau là đạo, hai pháp đối đều có sinh thiện diệt ác, vẫn thiếu duyên phạm, truyền chép sai sót, y theo năm duyên trong số.

- 1- Tơ tằm.
- 2- Tự khát cầu.
- 3- Làm pháp y.
- 4- Vì mình.
- 4- Nay thành liên phạm.

Trong duyên phạm ban đầu dẫn bốn tông, trước dẫn duyên khởi, Tỳ-kheo là nhóm tỳ-kheo sáu vị, chưa thành tơ tức kén tằm, như ở sau có nói, thuần tạp đều cấm, lông tơ là lông thú, kiếp bối là lụa cây, như chữ cân trở xuống là nói pháp chế xả, cân tức là loại dao, đũa là ụ đất. Trong các bộ, khoa đầu, trong luận Tát-bà-đa chia ra bốn tiết.

Ban đầu chỉ bày tên, tông giới bốn kia nói: Kiêu-xa-đa làm ngọa cụ, nên luận có ghi chép, trong luận mất tên người dịch, có lẽ đời Tần phiên dịch nên nói Tần và địa, như ở sau nói rõ phạm ở sau nói tên chánh, vẫn chú giải, ý xuất xứ trong bản phiên dịch, xưa nói chế giới mền trải vì mê danh, như trong số rộng giải thích, chữ ngoại trở xuống chỉ bày pháp y bằng tơ lụa, cùng được làm lần lụa đem đến, xin được thì phạm, chế lỗi tình. Khoa kế trước dẫn trong luật Thiện Kiến, một sợi lông tức tơ nhỏ ở sau, nêu sợi lông là nêu tình huống, sau giải thích tên Phạm cùng với trước hỏi khác, thường là tên ở xứ nầy nêu để hợp. Trong luật Tăng-kỳ kết nát lá tạo thành bề dọc sợi ngang ven các viên. Trong ba pháp trước luật chế chỉ y cứ nhà nuôi tằm, trong Đại giáo xoay vần không cho thọ dụng, bèn biết Thanh văn hạnh kém chỉ giữ lụa là sai, Bồ-tát lòng từ sâu xa suy tìm đến chỗ, tuy thường xa lìa mà không đâu không thường đến, chân giẫm đạp thân mạng đều là liên quan đến phần nghiệp, chẳng phải Đại sĩ nở lòng để Tỳ-kheo nên làm, xin xem văn

kinh thiếu hoại lòng tín ngưỡng, rộng nêu bày lợi hại trong chương phục nghi có đủ. Trong văn kinh trước có nói năng bố thí như pháp, lìa sát thủ chẳng phải nhà tư tằm. Chử bất trở xuống là nói sở thí được chẳng?

Ban đầu không thọ ứng pháp, Đại thừa Tiểu thừa đều thuận cho nên thọ, là chẳng phải bi, ái, trái đại thuận tiểu, tiểu thọ đại đưa ra chế, tuy thuận ước về nghĩa lại trái, nên biết trì giới hành từ mới phù hợp ý chỉ thánh. Lung tình thọ dụng hoàn toàn trái với đạo nghi, cho nên trong chương phục nghi nói hơn nữa lời của mình chẳng phải bi, rốt cuộc là lời nói thường đoạn, y cứ theo đây bàn luận rất rõ ràng tha thiết, kể dẫn trong kinh Niết-bàn chính là cuối cùng dặn dò nhiều lần quyết liễu chánh giáo nói rõ văn chế đoạn, đâu được chậm nghi. Nay ở sau nêu hiện sự, ở đây chỉ bày đời Đường, như trong Tăng truyện nêu bày hai sư Nam Nhạc, Đạo Hư không đáp y tư lựa và y phục bông đẹp, nên Tổ sư nói: Phật pháp đông lưu dần dần gần, như sáu trăm năm chỉ có Hoàn nhạc đây thực hành hạnh từ có thể trở về, thời nay thiên giảng tự cho là Đại thừa không câu chấp sự tướng lựa là, gắm vóc tím xanh tranh, tranh nhau vẽ đẹp, buông lung tham tình, trái lời dạy của bậc thánh. Há không nghe Ngài Hoàn Nhạc chỉ mặc y phục bông lựa để ngăn gió sương, Ngài Thiên Thai hơn bốn mươi năm chỉ đắp một y bá nạp, Ngài Vĩnh Gia không ăn thức ăn của người cày ruộng, y phục không phải của miệng tằm, ngài Kinh Khê vải thô, một y một giường mà ở. Bởi do hiểu sâu, Đại thừa mới chuyên tôn sùng khởi hạnh, xin xem Tổ Đức chớ nhiệm thói đời, thời bảm thọ giáo pháp tu thân là chân Phật tử.

Trong luật Tứ Phần, Ngũ Phần không xin mà tự bố thí, còn không tự nhập ý gấp rút có thể thấy. Trong phần kết hiển, ban đầu chỉ bày ý giáo.

Chử đã trở xuống nêu văn để chỉ tình huống, trong giới bốn chép: xen các loại tư tằm hoang cho nên cả hai nêu tình huống, ở đời có loài tằm hoang ăn dâu đến cây làm kén ra khỏi kén, thành bướm bay, lấy dây làm tư không tổn vật hại mạng, xen lẫn bông thấy văn trên, chẳng phải ở ban đầu chỉ lỗi, từ đây trở xuống quyết phạm, hợp tạm xả là căn bản đoạn, rõ ràng tội từ sinh sát.

Như các trở xuống dẫn việc để hiển bày rõ, trong luận Tát-bà-đa tiết thứ năm ban đầu nói về tự làm. Không có nhà nuôi tằm mà lần lựa đến. Nói vô tội là do không có côn trùng, nếu có côn trùng bán ra còn phạm phá cho tự làm, vì hai thứ sau nói rõ bán ra, không phải làm y cho nên kia nói tiếp: nếu không có côn trùng thì không tội, nếu xin ba pháp sau nói rõ đã thành, mà không phạm, vì chẳng phải nhà nuôi tằm, nếu

côn trùng bốn pháp sau nói trùng hoại không có sự tổn hoại, luận làm tằm bị tổn hoại e viết lầm, làm năm pháp sau làm y dư, đều kết biết là đều y cứ vào nhà nuôi tằm xin được thành lời, trong luận nói thấp nhất bốn khuỷu tay phạm tội xả đọa, trái lại nên biết, không nên xem nhẹ.

Lại nói: Nếu hợp ma y, kiếp bối, y khâm-ba-la làm ngọa cụ là cát, nên nói tất cả, khoa thứ ba dạy người xem trọng là lỗi chê bai đồng, vì người khác khinh là tham chẳng phải mình. Trong cái không phạm, chế giới tạo tác đã thành không phạm, nhưng phải lần lần hoại, không hoại lại đọa, chỉ như trong số kia chép: đã thành búa chặt, lời này tha thiết với người, làm sao thông được, như trong luật Ngũ Phần nói: thi thiết đã thành cũng phạm đọa, v.v...

Giới thứ mười hai:

Đức Phật ngự tại nước Tỳ-xá-ly, Lê-xa-tử phần nhiều thực hành hạnh tà đắp y lông màu đen đi đêm, để người không thấy. Nhóm tỳ-kheo sáu vị học làm theo chuốt lấy sự chê bai, nên Phật chế giới. Trong hội danh, tổng quyết trước sau bốn giới, luật Thập Tụng đều gọi là phu cụ, người xưa nghi ngờ, họ cho rằng ngọa cụ là mền nệm. Trong luật Tăng-kỳ nhân các Tỳ-kheo làm ba y tọa cụ bằng lông, chúc lấy sự chê bai, do đó chế giới.

Văn nêu Già-lê đại khái có hai y, nên nói cho đến, hai chứng cứ này, lông chẳng phải mền nệm rõ ràng, trong tướng phạm, chỉ ở trên tức giới tư tằm hai, ba chú giải hiển rõ đều cho là bốn làm là tằm nên làm thành không phạm, trong bát là chướng bụi nhơ, thuộc về khăn nóng trao tay.

Giới thứ mười ba:

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị thuần dùng lông trắng làm ngọa cụ, bị sự chê bai, nên Phật chế. Chỉ đồng và khác, nói nhân duyên đồng với trước, đen trắng tuy khác khỏi lỗi chúc lấy sự chê bai không khác, tham cứu làm màu trắng đen pha trộn ba loại xen giữa, nêu bày duyên thứ tư y cứ trong giới bốn gồm có bốn phần: hai phần lông đen, một phần lông trắng, một phần lông vằn, lông vằn là lông thô, thêm một lạng lông đen phạm ba-dật-đề, thêm hai lạng trắng phạm Đột-cát-la, pha trộn thêm lông vằn không phạm. Trong số hỏi: lông đen, lông trắng đồng phạm. Vì sao trước đen không chế tham?

Đáp: hai giới nói rõ tham cứu, văn thì rườm rà, về sau nêu đen trước tham không phạm.

Lại hỏi ba thứ lông tham cứu đủ, sao lấy đen nhiều pha trộn ít?

Đáp: y cứ trắng chế giới nên đen nhiều, y cứ về giới đen trước trắng cũng phải nhiều.

Lại nói màu đen tuy quy thuận pháp y tướng, màu trắng là y phục thế tục nên lấy ít.

Giới thứ mười bốn:

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị chê ngoại cụ cũ nặng không xả, càng thêm tìm cầu cất chứa cho nên Phật chế. Duyên phạm thứ ba, do văn giới bốn trừ tăng Yết-ma, trong phần giải thích của luật Tăng-kỳ ban đầu chỉ bày bốn duyên, do năm không đủ môn khai Yết-ma, như ở sau lựa chọn rườm rà, tuy già không bệnh, tuy bệnh không nặng đều không khai. Trong luật Tứ Phần nói Tỳ-kheo bị bệnh gây ốm, không thể mang y đi, khai cho làm Yết-ma, không phạm sáu duyên, ngoài chế hạn đủ sáu năm, thì xả cho nên làm không có bốn y.

Trong số chép: sao vả thọ trì mới lại làm y, cố làm cho xả nên thành không phạm, thành mà không xả tội thì tự khoa, nếu không như mất hoại, ngoài ra nên biết.

Giới thứ mười lăm:

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ngài đi khắp các phòng thấy tọa cụ cũ bỏ bừa bãi, do đó chế giới. Nhóm tỳ-kheo sáu vị trái lời chế nên lập giới đây. Trong duyên trước có nên y theo đây, vô cố thì lẽ ra không phạm, nhưng chế xếp gấp nên vốn là loại tốt, vô cố không xếp thì ưa đốt không khác, đâu được không phạm, xin xét cho rõ, đối với văn bốn câu trong lựa chọn rút ra hai câu ba phen, làm cho đúng lượng thì không phạm, thêm hai giới (nếu khi hành sám y theo số trước hối ngoài lượng, rồi sau xả sám). Trong phần giải thích là khoa đầu, trước chỉ bày pháp xếp lá, nhưng ở sau định y thể, khoa kế trong luật Tăng-kỳ đầu tiên chỉ bày thể lượng, thủ trở xuống lựa chọn người theo xin văn nêu bày tám người ít nghe phạm giới ác gọi là đoạn chấp, ba thứ này không hành, không nghe, không thưa hỏi, không có ma khác, ba pháp này không giải, không sửa phòng ốc, ở xa hai thầy tức là người biếng nhác, trái với trên, chẳng phải tám người này. Không trở xuống là chỉ bày tướng cất xếp, trong ba pháp luận Tát-bà-đa không đề cập đến một gang tay cũng thừa nhận xếp.

Hỏi: Ở đây dùng cách nào để đo lượng gang tay?

Đáp: Trong giới văn không lựa chọn nhiều người nghi, nay y theo

giới bốn Thập Tụng nói rõ dùng tay Như lai xé ra, nên mỗi bề phải rộng hai thước làm nhất định, không phạm năm tướng, chú giải hiển rõ không cầu là ngăn nường gá, trong luật luận đã chỉ dẫn ở trước.

Giới thứ mười sáu:

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà được lông dê xỏ trên đầu gây mà đi, bị sự chê bai, nên Phật chế giới này.

Trên nói quá hạn là ngoài ba do-tuần, trong duyên thứ nhất, luật Tứ Phần phân biệt các người thấp hèn. Trong số chép: nay nếu sinh chê bai sao nói sang hèn, gánh lông cũng vượt oai nghi (gánh lông cũng không có văn phạm), nhưng duyên ở nơi lông, nên chế khai ở bên ngoài. Y theo đây vắc thứ xấu phạm cát-la, ở sau dẫn trong Tăng-kỳ có thể thấy phân biệt với các thú khác, chữ phát âm ngộ, trong bốn luật thành chữ thư, thú giống sói mà đở thành món đồ trong số nói, là y theo tướng, trong luật Ngũ Phần nói chứa mền nệm được hành trì.

Thứ ba trong luật Tăng-kỳ cùng gánh, một người được đi ba do-tuần, đều phạm là vật đồng một chỗ đều quá hạn.

Thứ tư trong luật Tứ Phần ban đầu nói rõ tự giữ hạn lượng đầy đủ, v.v... là vời lấy chê bai, chấp nhận tự giữ.

Đáp: Trong số chép: do giúp thân trợ đạo nếu cấm hoàn toàn đại khái không cần cứu giúp, lại riêng tìm cầu lo nhọc rất lắm, ngay ở sau nói sai người khác. Nếu mạng phạm cát-la tức là phụ giúp, chỉ có thừa nhận người tại gia không được vào bốn chúng, vì lỗi chê bai là đồng. Như ở sau nói về vật dư, y ma tức thuộc về giới, xỏ trên gây thiên sau có nói.

Không phạm có bốn, ba pháp trên y theo số đều cát-la, về áo lông, xưa chép: âm tràng tức áo lông cừ lông dê mịn, ở phương Bắc mặc đi trong mưa nhiều, lông khác là lông đầu, lông cổ.

Giới thứ mười bảy:

Đức Phật ngự tại nước Ca-duy-la-vệ, nhóm tỳ-kheo sai sa-di nhuộm lông dê màu dính ở tay, Đức Phật thấy cổ hỏi, do đó chế giới. Chế duyên trong năm duyên đồng với trước, chỉ đổi thứ ba là lông dê của mình, bốn pháp tự sai khiến giặt nhuộm đập (đồng với ba giới) trước khiến chế. Lại ở sau chỉ bày lại y chế, trước chỉ chung nói nghiệp nặng, trong dẫn luận riêng chỉ bày nên biết, trước sau chung cho hai ý văn luận. Ý đầu thuộc cô ni, sau thông hai chúng, chỉ như trong số ấy nói, giới giặt y trong đó chế, mới là khinh phạm, ở đây đã nhọc công, mới cũ đồng phạm.

Giới thứ mười tám:

Đức Phật ngự tại thành La-duyệt, đại thần vì Bạt-na-đà để lại thức ăn, trẻ nít lấy năm tiền đổi thức ăn, Bạt-nan-đà lấy tiền gửi người đi chợ bị chê bai, nên Phật chế. Trong tên cho nghĩa là cất chứa, tiền của vật báu là một trong tám loại như xấu. Trong ý chế.

- 1- Hạnh dơ với lấy chê bai.
- 2- Do giao thiệp gây ra tranh cãi.
- 3- Thêm chương đạo.

Thế giới ngăn ngừa, diệt ác sinh thiện, giải thích tướng nêu bày ở chặng giữa. Thứ sáu chánh thuộc đương giới, ngoài ra đều nói thêm, trong tám pháp và các vật trọng lời sơ nói: Phật không khai vật như thuộc khí tượng của người nữ, đây trở xuống là chỉ bày.

Ban đầu nói xuất xứ từ ba tạng, nhưng nói tám bất tịnh, tám độc xà, tám cỏ xấu. Trong kinh Niết-bàn tuy nêu các vật lại không có thứ lớp, nên nói số chung hiển lỗi không thích hợp, như ở sau dẫn đủ.

Tướng thừa trở xuống nói y theo xưa nêu bày thứ lớp. Trong sơ chép: xưa tương truyền đã có tám tên, phải biết tám tướng, nên nói không ngoài kinh Phật. Nói lên trong lỗi có hai, ban đầu nói về lỗi nặng, trước dẫn chế duyên. Tỳ-ni bí mật cao quý không thừa nhận ngoài nghe riêng ở đây đối với trụ ý như văn hiển rõ.

Luật chép: Phật bảo vị đại thần: nếu thấy Sa-môn Thích Tử, nói ta là thầy mà thọ nhận vàng bạc, của báu thì biết chắc chắn chẳng phải Thích Tử, nên ở kế ở sau chỉ bày bốn mối họa là rượu, dâm, tiền, của báu, bốn thứ tà mạng này không chỉ trong bốn luật nên chỉ chung, tức giới này là một trong bốn họa. Chẳng phải đệ tử đây tức là lời răn dè tha thiết của Đức Như lai, có chứa dư các vật khác phải tự suy nghĩ kỹ.

Ở sau dẫn Ngũ phần giải thích nghĩa chẳng phải đệ tử ở trên, ở kế sau giải thích tên chung.

Tham nhiều tức tâm bất tịnh, hạnh ô uế là nghiệp tức nhân, quả bất tịnh ô uế tức quả báo bất tịnh, ngoài ra trở xuống tức chỉ khoa sau. Trong khai chế khoa đầu.

Trên nói rõ cơ giáo Đại thừa đều gấp, kinh là kinh Niết-bàn, ở sau nói rõ cơ giáo Tiểu thừa đều chậm, nói về sự là trái sự nên nhẹ, hiển rõ tông kinh đối với lý trái lý cho nên trong, ý tiểu cơ hẹp không kham nổi nên khai, trái lại trên đại cơ có khả năng gánh vác nên ở trọng. Người đời trái lại cho rằng Tiểu thừa cần giới, đại giáo chung các phương gần như thừa nhận sai lầm?

Trong vật thứ nhất ở khoa đầu, trên nói về ruộng vườn, do viết

chữ lằm, bốn xưa viết là ruộng. Ở sau nói về phòng xá, phòng có chường mực, nên nói là tửu, y trên tức trước phòng không có chủ, khoa kế dẫn văn có sáu, đều nói rõ trọng, khai tăng giới cấm riêng.

Trong Mẫu Luận, Tát-lăng-già-bà-sa nói: dư tập (năm trăm đời tánh ác lời thô, nay đắc đạo quả khí tập vẫn còn). Dẫn trong luật Thiện Kiến nói ruộng ao khác nhau, trong luận Tát-bà-đa thi thiết khác nhau là cho nhiều người, tức là Tăng.

Trong thứ hai ban đầu dẫn luật khác, tức kế ở sau khế hội tông bốn, tất cả không hợp tức chế khác nhau, trừ cúng dường, v.v... tức khai Tam bảo.

Trong ba pháp nêu rằng: lúa, tở lụa, bạch nghĩa là lụa thô, chỗ vẫn không rõ y theo khai tịnh thì trong giải thích văn đầu trước chỉ bày vọng truyền.

Chữ dư trở xuống quyết phá không nói là trái, mờ mịt truyền trao nên nói vọng truyền khoa kế, dẫn trong kinh hai câu đầu chế rõ.

Chữ sở trở xuống nêu bày tướng chánh thủ các vật lúa gạo, mè đậu, v.v... kèm theo sự tướng khác mà dẫn chẳng phải ý khoa này. Nếu có trở xuống là ngăn vọng, dẫn trong luật, ban đầu luật Tăng-kỳ khai cần kiệm là giúp đạo.

Chữ nhi trở xuống là người sao chép y theo châm chước người khác, một hạ có thể thừa nhận là một thanh hoặc gặp lúc sung túc mà cần kiệm, dùng có rộng hẹp nên phải tùy thời, muốn y theo trước cũng tính một hạ cần dùng bao nhiêu. Trong bốn luật ban đầu nói rõ khai thọ, khăn áo đầy nói ra chẳng phải nhiều.

Chữ ứng trở xuống là dẫn quyết, do chẳng phải cần kiệm chuyên không được chứa. Sau chỉ bày thiên hai y, thứ tư trong phần khai chế, văn đầu thêm một nhân Phạm Chí thí người nữ cho Phật, Phật không nhận.

Lúc bấy giờ, có một lão Tỳ-kheo khuyên Phật nhận lấy cho tôi, bị Phật quở rằng: Ông xưatừng là La-sát mê hoặc, nay lại gặp mê mẩn người nữ này.

Trong luật Tăng-kỳ ban đầu chỉ bày chế chung. Nếu nơi trở xuống phân biệt riêng. Ban đầu nói khai Tăng chỉ cần người nam.

Nếu thi thiết trở xuống là nói chế riêng, sau tuy khai thọ trả lại là vì Tăng.

Sau nếu thí cho trở xuống là nói khai chế cho Cô ni. Khoa kế ban đầu nói ra cái sai.

Chữ kỳ trở xuống là bác bỏ, trộm cũng phạm là phí tổn vật của

tăng. Kế là trong khai thọ, luật Tăng-kỳ khai riêng là y theo vâng giữ giới, vương là vua Bình-sa trong luật Thập Tụng khai cho tăng, nhân vua Bình-sa đến đó thấy Đại Ca-diếp đập bùn sửa phòng, vua hỏi vì sao tự làm?

Đáp: Ai sẽ làm cho tôi?

Vua nói: Trẫm sẽ làm cho tôn giả, sau đó bắt được năm trăm giặc.

Vua hỏi: Nếu cung cấp cho các Tỳ-kheo thì sẽ tha mạng các người, cho đến cấp ruộng nhà, v.v... cách vườn trúc không xa, đứng ở xóm làng của tịnh nhân.

Ở sau dẫn mười pháp thí cho, không đầu mà không sinh nghiệp ác khác, còn không khỏi lỗi há là được phước. Nay vẫn lấy thứ nhất, còn đều dẫn tiếp. Chín cái trước tự làm một cái thứ năm. Trước dẫn hai luật tăng khác nhau đều chế.

Trong Tăng-kỳ hộ mạng, ý tạm khai ở sau là thả. Kế dẫn trong luật Thiện Kiến khai thọ, thi thiết ý riêng, năm vị là: sửa lạc, bờ sống, bờ chín, đề hồ, vẫn khác nhau nêu sửa bờ, ngoài ra còn chứa y theo chuẩn, chỉ cho có thể làm dư thi thiết cũng khai. Mua bán dẫn trong kinh nói chế. Trong luận được thọ đã thuộc về tháp Phật, nghĩa chung cho bán.

Kim trở xuống chỉ sai, có thí cho trong văn kinh không nói nuôi thú, ruộng nhà tịnh nhân hợp ở khoa trước, mà nói vật của tăng cũng có thể bao gồm. Ở đây chỉ nói thí cho là tướng phi pháp, trong bốn pháp các vị lấy năm người trì luật, có thể nói rõ, riêng thọ Phật pháp tồn tại lâu dài ở thế gian, bốn người tuy tăng chưa có đại dụng hoàn toàn nên không cho. Trong văn nêu chung các vật, xe ngựa ở đây gồm nhiếp các xe thuộc chương trước.

Trong năm thừa giới xuất xứ ở tạp kiên-độ, Đức Phật nhân nhóm tỳ-kheo sáu vị đi xe voi, xe ngựa, Phật chế không được. Sau đó các Tỳ-kheo già bệnh không đi được, không dám đi xe, Đức Phật do đó khai cho, như trong văn đã dẫn.

Chữ thượng thừa là bình hô, ở sau bỏ chữ hô. Người nam đi xe đứng, người nữ đi xe ngồi, Cô ni đi ngựa cỏ.

Trong Chiêm Bệnh chép: đi đường gặp Tỳ-kheo bệnh xin đi xe, bất luận là bò đực, ngựa cỏ, v.v... Trong Tăng-kỳ không bệnh chế chung, tạm đi thuyền có duyên cố.

Thứ sáu là khoa đầu, vì ban đầu thọ tài chưa cho liền tịnh, đại khái khởi ý để chia ra khai chế, nói trong việc khai, trước dẫn ba văn giúp bệnh khai cho.

Lại hai đoạn văn sau, cũng nêu ra luật Thập Tụng, văn ban đầu chỉ nói cho thọ, lý chẳng phải bắt nuôi nên lấy nghĩa quyết. Trong Mặt-lợi Tây Vực Ký chép: Hán dịch là Nại, do xưa thí cho trái cây mà nay được quả báo.

Lại cư sĩ trở xuống đoạn kể lại có hai, đầu tiên là nói vườn ruộng là vật của thường trụ chỉ có phạm là thọ, ở sau nói bốn việc tức vật hiện tiền thọ dụng đều phạm, văn nói dùng mắc tội, thọ lẽ ra cũng đồng, do vốn thí cho tăng nên có nhẹ, y theo nên biết vật của tăng cũng không được chứa, nói trong lời chế, ban đầu dẫn kinh thì ở sau bác bỏ chẳng phải xưa ghi rằng: tức tướng bộ sơ kia y cứ văn luật, nghĩa là nói làm phòng cho thọ vàng bạc, của báu, do văn không nói rõ nên kinh phải quyết phá như trong chú giải đã nói. Song luật được thọ, phải giao cho người khác như trong nghi nặng nhẹ phá bỏ.

Chánh giải tức ở sau giải thích trong giới văn, thứ bảy, thứ tám nêu tên khác với trước, trước y cứ bất tịnh một bề không cho, nhưng hai vật này đều có khai chế, nên ở đây nêu riêng.

Thứ bảy là y cứ cho chứa.

Thứ tám là không khai. Hai môn này thông suốt lẫn nhau.

Trong thứ bảy nặng tức nhập vào tám thứ sau, trong tám pháp khinh lại là ở trước, tìm văn tự thấy.

Ban đầu nói về giường ghế, trừ vàng bạc của báu, ở đây thuộc khoa sau, như ở sau nói rõ môn lông. Trong luật Thập Tụng khai thọ y theo giới y dư không nằm trong hạn định, phẩm trái đất lấy theo lượng ca-sa, ngoài ra không được.

Như thiết trở xuống nói các món đồ, như cái bát khổ rồi trở lại cái chén. Trong tám pháp, bất Thiện Kiến không được nắm lúa, nắm là cát chứa, trừ lúa như trên đã khai, đây là quy về thứ ba, dụng cụ dao gậy giết hại, nên phải hoại, vật nhạc khí buồng lung còn có thể bán ra, thêm một của báu thí cho lại là thứ sáu ý chú nguyện trả lại cho người khác, biểu hiện cho thọ, nên so về trước lệ theo vật, ra vào không nhất định, tùy theo văn nói tướng, đều nhiếp chỗ quy về, không có xen lẫn, dẫn dạy ba đoạn trong kinh Niết-bàn. Ban đầu dẫn khai cho tức phẩm Như lai tánh hiện định tà chánh có làm thuyết này, mới có thể y theo thực hành, hoặc là thuyết khác thí không thể y theo, nên nói có người nói.

Ban đầu nêu bày phương tiện, quán trở xuống nêu việc để giải thích.

Ban đầu giải thích nói nhẹ là nặng, thể chẳng phát tánh nghiệp nên nhẹ, thọ chứa họa nhiều nên nặng. Như chư trở xuống là giải thích nói

nặng là nhẹ, như trên là nặng giúp đạo nên nhẹ, văn nêu bốn duyên.

- 1- Không cúng đồ cần dùng.
- 2- Đói khát.
- 3- Hộ pháp.
- 4- Sau tịnh thí.

Ta cho trở xuống là nêu chung khai vật, cho nên biết dù cho không cúng vật cần dùng, mùa màng sung túc cũng đóng lại, dù cho cần kiệm ở đời không hộ không khai, dù là hộ pháp bất tịnh cũng chế, phải đủ bốn duyên mới khai cho chứa, như vậy bốn pháp trở xuống kết duyên.

Ta vì, v.v... đây là bốn pháp y, văn sau nhục nhãn không phân biệt được tà chánh, phải nói bốn y. Tuệ nhãn rõ pháp nên không nói.

Trong kinh nói là các Tỳ-kheo phải y theo bốn pháp, thế nào là y?

1- Y pháp không y nhân (pháp tức pháp tánh, tánh tức như người, tức Thịnh văn, pháp Thịnh văn tức hữu vi.

2- Y nghĩa không y ngữ (nghĩa là thường trụ, ngữ tức trau chuốt lời văn.

3- Y trí không y thức (trí tức là Như lai, thức nghĩa là Thịnh văn, không thể khéo biết công đức của Như lai.

4- Y kinh liễu nghĩa không y kinh không liễu nghĩa (liễu nghĩa tức là Bồ-tát thừa, bất liễu nghĩa tức Thịnh văn thừa.

Nghĩa là trước khai bốn duyên, chính là Đại thừa liễu giáo khuyên cho y chỉ.

Như ở sau quyết bất không liễu giáo, lại ở sau chỉ bày văn cấm đoạn, phần nhiều xuất xứ trong phần thứ sáu. Lại nói ở sau dẫn văn răn dè đạo tục.

Ban đầu răn dè chúng trụ, như ở sau răn dè chúng đạo, còn bao nhiêu như ở sau răn dè chúng đạo, còn lại như ở sau dẫn, kế hội trong trái nhau. Ban đầu chỉ cho Thập Luận, như Tăng Võng nói: cho đến chứa vợ con cung kính như Xá-lợi-phất không cho trách phạt, v.v...

Lại ở sau quyết phá, Niết-bàn liễu nghĩa bỏ trước không rõ nên nói không dùng.

Dĩ trở xuống là nêu ra lý do, trong kinh Niết-bàn việc họp pháp là trọng. Thập luận là còn tin thế tục nên nói tiểu tiểu, trong ba việc kết tội, đầu tiên nói về hai món trọng, lựa không nhập tịnh. Ở đây y cứ thành tướng y, mền là đồng vật nặng cũng không nhập tịnh, lẽ ra là Tiểu.

Dư trở xuống là nói về sáu khinh. Nói chứa ít nghĩa là sự ít, trong

bốn pháp trao đổi có năm, hai câu đầu dùng tám pháp đổi y, phạm tội mua bán.

Đĩ trở xuống bốn câu dùng y đổi thánh tám, được của báu tức phạm đổi vật báu, tư lự ở đời phạm tội mua bán. Nhược đĩ trở xuống bốn câu trên rõ hai bên tự đổi nhau, y đổi y phạm mua bán, của báu đổi của báu phạm tội đổi của báu, ở sau nói do hai bên đổi, sáu pháp được nhẹ nên biết, sáu pháp trở xuống bốn câu sáu món tự đổi, hoặc đổi nhau đổi, hoặc đổi lẫn nhau đều phạm đột-cát-la. Lại dùng sáu món đổi hai, mua bán phạm hai tội đọa y theo trên có thể rõ, ở đây trở xuống kết trên mua bán, đối với người nhẹ nặng.

Trên nói phạm xả đọa là nói theo thế tục, trong phần nói về thuyết tịnh.

Ban đầu nói về tịnh tài đổi vật, y bát trăm lẻ một nhập vào thọ trì, cho nên ngoài đã nói, nếu y theo nghiệp số đều không cần nói tức nhập tịnh, như ở sau nói rõ phạm chứa dư tiền của báu, chứa sáu trước dùng đổi vật, sau chỉ hối tội vật không cần xả, y theo có liền dùng, mắc tội cát-la câu hối trong tăng bát bên ngoài phải nói, đã vào tịnh thì nên tịnh pháp.

Khoa đầu trong giải bốn giới, do giới bốn xưa chép: nếu tự tay mình cầm tiền, hoặc vàng bạc, v.v... có nói đầy đủ ở giới sau, nên phải phân biệt. San định trong giới đổi cầm là thọ, thì không đầy đủ, ý lúc sai khác là trong việc nuôi chứa nói cầm phạm ở giới sau, nên y theo làm bốn câu:

1- Chứa chẳng phải cầm nắm, chỉ phạm ở giới trước (dạy người miệng thọ).

2- Nắm chẳng phải chứa, chỉ phạm giới sau (tự xúc chạm của báu tịnh và cầm nắm của báu, vàng bạc, sinh tượng của người, v.v...)

3- Vừa chứa vừa cầm nắm, trước sau đều phạm (tay thọ mà chứa).

4- Chẳng phải không phạm (như pháp thọ tịnh).

Khoa kế bác bỏ trong đầy đủ, trước nêu ý tham chứa, trong tức là chí, bên ngoài cho là thực hành, không nghĩ lời răn của bậc Thánh tức khinh pháp, dù tham sân si là mặc tình tự mình, nên ở sau dẫn chứng.

Ban đầu dẫn bốn luật y theo nói mất giới, chẳng phải đệ tử là không bảm thọ lời dạy của thầy, chẳng phải Sa-môn không tu tịnh hạnh, chẳng phải Thích tử không quan hệ đến dòng họ bậc thánh, nay thọ chứa nhiều, vì giáo đã phân biệt tuy tự cạo bỏ râu tóc cũng là bọn ma ngoại đạo.

Lại nói, sau đó Phật bảo Châu kế đại thần, kế sau Phật dẫn trong tạp A-hàm dùng pháp năm dục chẳng phải công đức thiện lại chẳng phải thanh tịnh. Nay chứa tài báu chính là thuận dục, nếu thừa nhận thọ chứa lại thành công đức, cũng nên thanh tịnh, ở đây nói lên người xuất gia tuyệt dục cầu đạo lại bị dục ràng buộc, rất chẳng phải việc đáng làm, sau dẫn thêm một. Trong luật nói Phạm Chí siêu vượt dục dâng tiền vàng lên Phật Định Quang, tự nghĩ ta có sách danh lễ ký, nói nếu là Như lai thì không thọ vàng báu, bèn đổi năm cành hoa sen, dâng lên Đức Phật lựa (nhân hạnh của Đức Thích-ca từ đây được ghi), nên ở sau hết chỉ bày dẫn ý, văn trước nêu bày răn gì và y cứ giáo pháp thành thật, nên nói chẳng phải lẫn lộn. Thuật lại trong răn dè khoa đầu, ban đầu nêu bày ý chế thiện, nay trở xuống bác bỏ trái chế rất mạnh, làm thương buồn đều cầu lợi, nay tăng tham chứa thường có lỗi, nên nói là rất.

Mây khói trong luật nói, mặt trời mặt trăng có bốn họa, nên không sáng, không tịnh, không có chỗ chiếu, cũng không có oai thần, nghĩa là sương mù mây khói của Tu-la.

Sa-môn có bốn họa lớn: là uống rượu, dâm dục, giữ vàng bạc, tà mạng khiến cho Sa-môn không sáng, không tịnh, không có chỗ soi chiếu, cũng không có oai thần. Nay nói Sa-môn hạnh tịnh thì Phật pháp soi sáng, hạnh đã ô uế thì sẽ ngăn che, cho nên như mây khói.

Trái lại trở xuống là chê bai pháp, ban đầu nêu lời chê bai bài bác hủy nhục.

Xuất trở xuống là bác bỏ ản lam, căng nghĩa là tự cao, nghĩa là cầm giữ cho là phải, không suy nghĩ, v.v... là trong kinh Thiện Giới nói: Bồ-tát vì lợi ích chúng sinh nên cho chứa kiêu-xa-da, vàng bạc, v.v... người ngu y theo đây liền nghĩ đồng vòng, là không suy nghĩ. Hướng chỉ Bồ-tát nói chung cho tại gia xuất gia, như trong kinh Niết-bàn nói: Bồ-tát xuất gia già tánh đẳng trì, dù nói khai cho chứa trong kinh Niết-bàn, Địa Trì, đều khiến tịnh thí, bèn thuận rồi tham ái đua nịnh nịnh đối trá tìm cầu để cất chứa, xin nhiều không nhàm, chấp bịnh tham thì một mảy may không cho, đâu luận không phân cao thấp với Đại sĩ? Khinh nghĩa là lớn bậc thánh, bác nghĩa là không có pháp, một phần có tính, nêu thiếu hướng là nhiều, không bằng kẻ tục dẫn tục răn đạo. Nguyên Hiến ở tương vòng ngọc cửa am tranh không đóng, Nhan Uyên ở ngô hẹp đựng thức ăn bằng giỏ tre, uống nước bằng trái bầu. Đời Tấn, Tống Tao Hiền Tề Lương Đạt sĩ bản thân giàu sang mà coi như phân đất, kính mến cần kiệm đại khái là cao thượng, chép trong khắp sách sử há không nghe hay sao?

Hà trở xuống là dụ cho vô trí, con bộ ngựa bay con ngài đều dụ cho người ngu, bánh xe dụ cho luật giáo, lửa dụ cho đường ác, trên là dụ nhân hiện tại, sau là dụ cho quả vị lai, há trở xuống là hiển rõ thêm lỗi, do chế chứa cầm giữ đi xa phòng trộm, nên ở sau kết khuyên. Trong tạp tâm nói: vị lai đổi bỏ ngôi vị luân vương, hiện tại không giữ một tiền, cho nên khiến lâm cảnh suy nghĩ kỹ, chưa biết người nào bảm thọ lời dị chúc đây. Buồn thay trong văn dẫn chứng, riêng dẫn trong kinh Niết-bàn, luận trí độ, do Đại thừa liễu giáo nạt ý dứt ngu là lạm dụng nương gá các văn. Trong kinh Niết-bàn, đầu tiên khiến cho xa lìa, do năng hại người đáng sợ sệt, nên dụ như rắn độc.

Ứng trở xuống là nói hiện đang có hai báo, do lia tán uế hành nghiệp quả báo, phạm ngu không biết nên nói chẳng phải nhục nhãn.

Lại ở sau nêu việc Phật hiện đời, do tăng thanh tịnh thẹn cùng việc ô nhục với tịnh tăng, cho nên trong trí luận giới thặng tài thí là trong nghiệp sơ chép: không trộm tức thí tài cho pháp giới hữu tình, không sát hại là thí vô úy cho pháp giới hữu tình, tức dùng pháp hạnh này giáo hóa người, gọi là pháp thí, khắp cõi chúng sinh tài là pháp chứa nhóm rồi phân tán có thể mở cửa phiền hoặc, não hại, giới pháp trong sạch, nên bật việc đây lại dẫn trong kinh Niết-bàn.

Theo kinh thì giới được phân ra hai loại.

1- Tánh trọng giới: nghĩa là bốn trọng cấm.

2- Tức thế cơ hiềm giới, nghĩa là không làm các việc mua bán lừa dối, ruộng nhà gieo trồng voi ngựa xe cộ, tội tử, bảy báu, v.v... tức giá tánh đẳng trì nên nên chẳng khác.

Nếu trở xuống chỉ bày giới tướng trên. Trong kinh nói: Bồ-tát Ma-tha-tát lại có một loại giới.

1- Thọ thế giáo giới (ngăn chê bai sinh thiện nên nói là thế giáo).

2- Đắc chánh pháp giới (địch là ác thuận lý nên nói chánh pháp, tức mười nghiệp lành) nếu Bồ-tát thọ chánh pháp giới, thì không hề làm ác, do mười nghiệp lành, đều cấm tánh ác y theo nên biết, mười điều lành phải theo người thọ) thọ thế giáo giới bạch bốn lần Yết-ma, rồi mới được (bạch tứ tuy chung cho già tánh tánh ác bốn nghiệp tăng thêm chế tội ngăn chẳng phải bốn hữu phải thọ, đủ cho nên chỉ ngăn riêng là bạch tứ được).

Chư trở xuống là chỉ rộng di chúc lược như trước đã dẫn, ngoài ra không phiền chép người học tìm xem.

Giải thích trong cái thứ nhất, bốn phần đầu tám thứ tiền, văn nêu

hai loại, đồng lấy đồng thép bạch lập, bạc gỗ, hồ keo tùy theo cỡi nước dùng thọ chứa đều phạm.

Kế trong luật Tăng-kỳ ban đầu chỉ bày vàng bạc câu trên nêu tên, hai câu sau giải thích tướng. Sinh sắc vàng là bản chất màu vàng, giống như màu bạc có thể dùng thoa nhuộm tượng với vàng. Tùy theo cỡi nước dùng là thể chung tám loại, không được cầm nắm phạm giới sau. Nhưng chứa ắt do nắm giữ nên nêu bày nhiều.

Trong luận Tát-bà-đa có bốn tiết, ban đầu nói rõ báu trọng, Ma-ni, Hán dịch là ly cấu, ý nói không bị cấu nhiễm, chân châu là tần châu, san hô Trí luận nói: là cây đá dưới biển. Xa Cừ, Thượng thư Đại Duyệt chép: đại bối như cừ của đại xa (cừ tức vành xe), mã não là loại đá. Pháp sư Ứng nói: sắc báu này như não con ngựa, đương thủ, v.v... là chỉ bày pháp khai già. Nhược trở xuống là nói giống như báu, hổ phách, Bạc Vật Chí chép: mở đúng vào đất ngàn năm hóa thành phục linh, phục linh ngàn năm hóa thành hổ phách, thủy tinh ngàn năm trong cốc lạnh băng lạnh biến thành dôi châu trong đời, dùng được thạch đốt v.v... là y theo luận lại nêu bày đồng kẽm, bạch lập, chì sắt (luận y cứ về thể tiền, nên giống như báu, cầm giữ lại phạm cát-la, nay đã thông lấy. Trong luật Tăng-kỳ, Tứ Phần có tám loại tiền đều thuộc chánh báu) nắm cánh lấy như ở sau có dẫn, vì chứa phạm cát-la nên biết không chứa giữ cũng không có lỗi. Nếu nắm giữ trở xuống ba lần nói cầm giữ của báu, vẫn nêu vàng báu lý chung cho bảy pháp ở trước, vàng mỏng nghĩa là vật thiếp vào bên trong, tượng vàng như đúc thành tượng thánh (trong Tứ Phần không phạm) tự báu làm tự thuyết tự báu. Như giống trở xuống bốn lần phân biệt giống như báu, trăm lẻ một lần thọ trì nên không nhờ tịnh. Giải thích trong pháp thứ tư, khoa đầu có ba đoạn: Trước định ra danh thể, trong luật dùng vàng bạc kẽm làm trọng báu, gọi là vật bất tịnh, báu khác gọi là vật tịnh, bất tịnh. Ban đầu nói báu quý trọng là chỉ nêu bày ba loại. Bảy báu trong luận Tát-bà-đa đều chế, khác với đây, không được xúc chạm chỉ bày nghĩa bất tịnh.

Kế giải thích báu khác, trừ ba vật trên gồm chung tất cả, nói được xúc chạm là không chế cầm giữ, không được cầm giữ chế đồng với cát chứa, trước là tham cất chứa phạm Đột-cát-la.

Như thế ở sau nói tướng phạm, ban đầu nói chung quý trọng của báu, như tướng, v.v... là hiển bày riêng thể kẽm. Nói tướng thành như hồ giao, da cây, v.v... kẽm và các loại bạch tượng thành như hồ giao, da cây, v.v... kẽm và các loại bạch lập sắc trong đây, hễ cỡi nước chuộng dùng thì cũng nên mắc tội, như phạm trở xuống là ba pháp chỉ bày pháp

thọ, khiến tịnh nhân chiết hoặc lại khiến cho thọ, hoặc tác pháp ngay. Không nghĩa là không có tịnh nhân. Tạm yên chỗ ở là nói trong đây biết tức tịnh ngữ. Khiến cho biết đem đi, nếu không đáng tin khiến đem giao phó cho người khác thì chỉ nói biết. Nếu có thể tin người thì khiến đưa tay, phải làm tịnh pháp, lời thấy ở khoa kế.

Kế trong pháp tác tịnh, trong Tứ Phần đã phạm tài đối với văn tục xả, y theo số chia ra bốn tiết, câu đầu xếp trước chế lỗi.

Bảo trở xuống hai pháp là nói phương tiện xả kềm, tìm tịnh chủ giao phó, như trong luận trở xuống ba pháp nói ý không được thí cho. Phạt làm tịnh nên khiến cho họ thọ, họ không hiểu nên không dám thọ ngay, trái với pháp tịnh thí, phải làm vật họ, người thọ đã xả cho họ tức thuộc người kia. Nếu vì đối y phải đối thọ, do tịnh pháp trước không thành như họ trở xuống bốn pháp này y cứ vào ý giải tức thủ liên tịnh, không cần chuyển đổi, như ở sau nói riêng tịnh ngữ.

Trong số chép: xem xét đây nghĩa là xem xét về kềm của báu, biết đây cho rằng: chẳng phải ta đã làm, làm tịnh cho ông được không nói, mất pháp nên kết.

Trong luật Tăng-kỳ, ban đầu nói pháp biết việc giấu lấy, trong mắt ba lần xoay chuyển ý là mê vì phòng dứt trộm. Nếu thí chủ trở xuống kế đó nói pháp thọ dụng đồ báu, nên nói v.v..., là có duyên mở miệng thọ. Chữ bắt đắc là trở xuống ba tướng, không khen ngợi là biểu hiện chẳng phải chỗ tốt, vả lại vì tham luyến. Đây trở xuống điểm chung đoạn đều chẳng phải vật của mình, muốn hiển rõ pháp thọ chứa vật của Tam bảo, nên thường dẫn ra, nhưng e rằng có liên quan nên đặc biệt chỉ bày, trong pháp lãnh thọ. Trong luận Tát-bà-đa đầu tiên nêu năm pháp:

Trước là ba nghiệp của thân.

Sau là hai nghiệp của miệng.

Ở sau nói ba chúng chế đồng tội khác. Trong luật Tăng-kỳ hai tướng đều là thân nghiệp, ở đời có người giữ giới dùng tay có đựng vật cúng, hoặc khiến người thọ không có pháp tác định. Đó là do không học mà gây ra xen lẫn, đời sau không biết thường tương truyền rất sai lầm.

Bốn pháp khai cất chứa trong đó nêu chung bày tướng dư.

Năm pháp chung thành ba.

Hai pháp trên đều là hai y trong món báu, quý trong báu ở sau có giải thích riêng hai món báu.

Ban đầu giải thích trọng báu, tức bảy loại trên đây y cứ theo phạm xả, nên nói hối tội như kềm, kế sau giải thích giống như báu, trăm lễ

một vật và chữ viết lằm, y theo luận là chữ trừ, do một trăm lẽ một vật không cần xả, kềm của báu ở sau chỉ bày hai thứ tịnh pháp.

Ban đầu là Tỳ-kheo đối với thí chủ, nói là giao cho tịnh nhân. Nếu tịnh phải thọ nghĩa là đối vật tịnh, hai tịnh nhân trì vật đối trước Tỳ-kheo, nói y cứ ngôn luận đây vốn chẳng phải tịnh pháp cho nên đều nói đúng, nếu thực hành pháp này rồi không nhọc nói lại, chữ đương bỏ đi. Nếu xả trở xuống là phân biệt tịnh chủ có thể hiểu.

Năm trở xuống là trong chúng, trên nói không được cho Sa-di cho nên tiếp tục chỉ bày.

Đầu tiên nêu riêng hai duyên: Duyên đầu tức đệ tử Mục-liên cũng nói là Quân-đề, đề là ở sau hợp chỉ bày thâm trách, vì sự đồng. Ở Tây Độ đi nhiều bên trái vì không rõ, ở đây không tốt lành vì gặp người không thanh tịnh, đều do việc bạch, tức hai vị Sa-di đều bạch thầy, bỏ việc ấy làm lẽ, bỏ uest trở lại tịnh, đó là đáng kính. Đây vẫn còn trở xuống là tìm xưa tổn nay. Nói có thể trị tức hai Sa-di ở trước, như thần ở bờ ao là trong luật Tăng-kỳ nói: xưa có Tỳ-kheo đến bên một cái ao, nghe mùi hương hoa sen liền trộm ngửi, thần ao tránh rằng vì sao trộm hương hoa trong ao của ta, lát sau bày voi xuống ao giẫm đạp, thần ao yên lặng, Tỳ-kheo lại trách thần ao, thần nói: sư là xuất gia đâu đồng với súc sinh, nghĩa là Sa-di trước đáng trách, nên có phi nhân đi nhiều, chưa sám tức nay cầm nắm chưa không thể trách. Hiện bày giết hại tức hiện quả báo ác bệnh dữ, rốt cuộc phần nhiều do hủy giới.

Trong Mẫu luận nói bụng thì mổ xẻ, cà-sa lia thân này, đồng hai mà xưng, trong kinh Bách Dụ chép: xưa có người nữ gốc, chàng rể về nhà vợ, thẹn không ăn bị đói quá, nên lén ăn cơm, hai má chàng rể phùng lên như hai cái trống, người vợ thấy cho rằng má sưng, cố chấp mà không nói, bèn mời thầy thuốc, dùng dùi lửa áp vào má, má lủng cơm lòi ra. Đây là dụ cho người ngu mắc tội không suy nghĩ cầu sám, đợi quả báo rõ ràng. Trong cái không phạm, như trên cho rằng nói làm tịnh và trước pháp xả, nhưng trước là phạm rồi hối xả, ở đây nói được vật liền xả, như ở sau nói tịnh chủ không đến xin pháp, trước khiến người khác xin. Nếu lại trở xuống là ở sau nói về tự xin, cùng khen ngợi tăng, v.v... do họ có thể xin nên ở đây động.

Giới thứ mười chín:

Phật ngự tại nước La-duyet-kỳ Bạt Nan-đà đến chợ dùng tiền đổi tiền, cư sĩ chê bai, do đó Phật chế giới. Ở trong lựa chọn, đầu tiên dẫn luận lựa chọn chứa của báu không nói tịnh bài đã phạm giới trước, vì

không phạm trọng như đem tiền đổi vàng mà duyên tướng chứa khác thì dễ phạm cả hai, như trong giới số nói, lại trong số có bốn câu:

1- Chứa chẳng phải đổi là thế tục cho tiền của vật báu.

2- Đổi chẳng phải chứa, dùng y đổi tiền của vật báu (y theo đây, chỉ khiến chỗ đổi là tiền của vật báu thì phạm, bất luận là năng đổi).

3- Điều dùng tiền mua vàng cất chứa.

4- Điều chẳng phải ngay tướng y vật mà đổi.

Nói chuyển đổi là chỉ bày tên giới. Từ đây trở xuống là phân biệt mua bán.

5- Khác chỉ như trong số.

Trong luận chép: ban đầu đổi người không đồng đổi của báu, bầy chúng đều phạm, đổi y chỉ có hai thế tục phạm (hai chúng tại gia). 2/ Đổi của báu tự làm, dạy người khác vì mình đồng phạm, trừ vì Tam bảo, đổi y khiến người không phạm. 3/ Đổi của báu một phen chế không khai, đổi y thì khai sửa đầu đổi nhau. 4/ Y báu xả thì đạo tục khác nhau (y đối với đạo tục, báu đối với tục xả). 5/ Trả lại tài vốn chẳng phải vốn khác nhau (y xả trả lại nguyên vật, nên nói là bốn báu xả đổi vật tịnh nên chẳng phải bốn). Luật trở xuống là y theo luật hiển khác, luật có bảy vật xen nhau đều phạm, vàng có ba phẩm.

1- Đã thành vàng (hoa nêu bày đồ trang nghiêm).

2- Chứa thành vàng (tức vàng thỏi).

3- Đã thành mà chưa thành vàng (kim loại chảy thành món đồ nhưng chưa thành thỏi).

Bạc cũng có ba loại.

Tiền chỉ có một, cộng chung thành bảy, như ở sau phân biệt khác, thì biết giới này, chỉ y cứ về báu mà nói, trong duyên phạm, là tiền của báu, hạn cuộc ở nơi đổi, có thể đổi thì chung cho y báu vật dư, nói trong cách sám, giới này không đổi với Tăng xả, y tùy theo hối riêng, nên đặc biệt ngăn lỗi nặng, trong cái không phạm, chỉ khai Tam bảo ngoài ra không có chỗ nào chung.

Giới thứ hai mươi:

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà đến ngôi làng không có trụ xứ, dùng gừng sống đổi thức ăn, lại đổi y với ngoại đạo, hối hận không trả lại, người đời chê bai quở trách, Phật do đó chế giới. Tên giới y theo số chia làm ba, vì lợi nên gồm thân, vì lợi nên giảm giá, tiền trước gọi là mua, vì lợi nên đưa ra, gắng tăng thêm giá cao gọi là mại (mua bán chỉ trước lấy phạm trả lại đồng với bán). Trong ý chế, bốn bậc

thánh tức hạnh bốn y, chế đoạn mua bán khiến tu bốn pháp, trong duyên phạm, duyên đầu tiên năm chúng không phạm, lược chỉ bày trong đó. Ban đầu chỉ bày trao đổi, câu trên chỉ văn luật thấy không phạm, câu kế y theo bộ khác. Như ở sau trong luật Tăng-kỳ, luật Thập Tụng, như y cứ ở sau, dẫn y pháp trong luật Tứ Phần cũng khai cho Tỳ-kheo không chỉ bộ khác, luật Tứ Phần trở xuống chỉ bày tướng phạm.

Trong luật chép: lấy thuốc phải thời đổi thuốc phi thời, bảy ngày, trọn đời, y Ba-lợi-ca-la, như vậy xen nhau đổi (tùy theo mỗi vật làm đầu để nói về các vật). Trong số chép: ở đây chỉ nói theo duyên khởi, nếu dùng tiền mua y thuộc về giới này, trái lại thì giới trước, y theo biết hai giới mua bán chỉ y cứ vào chỗ mua để phân.

Kể nói rộng trong đó khoa đầu trước nói nghiệp trong, thật là giết hại là dùng tâm cùng khắp. Đây là mua bán, kế sau nói vật thí, cầu phước không khai dùng là vật thể ô uế. Ban đầu chỉ bày chế ước nên ở sau gan ý chế như mua bán ở sau, ba pháp kết tướng phạm, kết tội nặng là vật chỉ một lần xả tội thì hợp với sám. Khoa kế đầu tiên nói thọ thí, việc kinh doanh sinh hoạt gọi là trị sinh. Nói phạm xả nghĩa là người thọ thí, như ở sau chỉ bày để khai, người ấy phải bảo bạch với tăng tác bạch thọ y vật, tức là pháp khai, như thí trở xuống nói chuyển thí được thọ, người ấy đã quyết xả, tức là vật tịnh, trong ba pháp ban đầu nói tội kết, tức phạm mua bán như ở sau nói khai, tự ăn ban phước, do đó nêu ra chẳng phải bốn ý khác, nên y bát nghĩa đồng, nên chú giải chỉ bày, trong bốn pháp ban đầu nói đối với đổi, tương tự nghĩa là dùng chín vật đổi nhau, không tương tự tức xen nhau đổi, hai thứ đều phạm như ở sau sẽ xả, Vật tức đã phạm kim báu, mua lương thực lúa dùng lúa đổi vật, tuy là lại chuyển đổi cũng không được dùng, ăn phạm tội cát-la, khác với luận Tát-ba-đa ở trên. Trong năm pháp, đầu tiên là nêu, trong phần hỏi đáp: ban đầu chánh đáp, ở sau giải thích lý do.

Trong kinh Niết-bàn chép: thuận theo lời Phật là cúng dường Phật, trong sáu pháp trước nói về bốn phần, trên nêu ba việc, dưới lược mua bán, để lúc gồm thâu gọi là bán ra, tức gọi là mua, chỉ nói mua bán tức thuộc mua bán tùy theo việc điều đọa, nên nói là đủ.

Trong luật Thập Tụng chép: vì lợi cho nên bán mà không mua, mắc tội cát-la, vì lợi cho nên mua rồi lại bán phạm Ba-dật-đề, nên biết một vật hai việc mới phạm, không đồng với Tứ Phần. Trong bảy phần, đầu tiên nói lợi ích giới hạn của giá, như trong tăng bán vật, một người trả lại giá, biết việc ba lần xướng bảo chúng làm giới hạn không thể lại có lợi ích. Như chúng trở xuống nói hối hận trả lại được chăng?

Trong luận văn y cứ vật của tăng nên không cho trả. Trong luật Thập Tụng nói vật riêng tư mới chế ngày chừng hạn, luật lấy như ở sau vốn có chữ riêng tư, nghi ở sau chỉ bày, nên trước lược nêu, chỉ trong tư Phần tức ở sau không phạm, nếu hối hận thì cho trả lại, không nói tăng riêng tư lại không có chừng hạn, nên nói không rõ. Trong tám phần, đầu tiên nói dời đổi phương tiện, tỳ-kheo trở xuống nói Tăng riêng đổi.

Bồi: nghĩa là dùng vật để bồi thường quân bình, nghèo thiếu thì cho thẳng, y cứ vào vật hiện tiền mười phương, hòa tăng được cho, như thường kiết việc đợi Pháp sư nêu bày, bốn phương thường trụ thì không có lý khai, trong chín phần ban đầu dẫn duyên, y pháp tức y kiên-độ, dựa theo nghĩa sau để giải quyết, thì kiết kia đây đều khai, có người chế tội lý phải được kết. Trong mười phần của luật Tăng-kỳ có ba, ban đầu lược chỉ bày kết phạm.

Bốn món được trở xuống hai món nói tám vật đổi nhau luận ấy chép: nếu khi dùng vật (đây là có thể đổi trở xuống đều đổi chỗ), vật lúc mua, vật phần đêm, vật bảy ngày, vật trọn đời (trên là bốn thứ thuốc, vật tùy thân, ba y sáu vật tức trong số sao tùy theo vật nhẹ), vật nặng (vàng bạc, v.v... trong số sao thiếu câu này e là viết sót, hoặc là chỗ đổi rơi vào giới trước nên ở đây lược nêu). Vật tịnh bất tịnh (tức giống của báu, v.v... tùy theo một làm đầu xen đổi y theo trên). Tứ trở xuống ba pháp là nói Tỳ-kheo tự đổi lại, có năm loại:

Đầu tiên là nói phải tịnh ngữ, tức trong pháp khai chế đồng trì. Dao tức là động, như đánh giá ở sau hai pháp, nói liều lượng, sự tuy dường như giảm mà y cứ thật không lỗi, ở đây y cứ về giá chợ thường định, hoặc có thể châm trước thành nói, song việc của tâm khó rõ, lý như trong luật Ngũ Phần đầu khiến họ được lợi của ta, phần nhiều cho là tốt.

Như trước trở xuống ba là nói chợ, ban đầu nói vào chợ đổi vật, ở sau nói trong tăng xướng bán, từ thiếu thân nhiều gọi là sao thượng, hai thầy không được phụng thờ tôn kính, nếu doanh cầu trở xuống bốn pháp nói lời tịnh bất tịnh, thì đầu tiên kết phạm, trên là vì chúng, vượt trở xuống là nói tư làm nên đề xướng.

Kế đưa ra hai loại ngữ tương nên biết, phân biệt là tâm nghiệp, xin thì khẩu, nghiệp, như chợ trở xuống là trong năm pháp nói táng chê bai, nhưng phải y cứ vào thật, thật tốt mà nói xấu thì gọi là hạ giá đều là cuồng vọng. Tốt đây, v.v... là chỉ bày thuyết tương chê bai, trong năm trăm lời hỏi, ở đây y cứ về Tỳ-kheo mua vật xin giá, quá năm tiền được vật thành trộm, không ngại tự mua, có bốn nêu ra tội. Trong Tăng-kỳ

ban đầu là thời được đổi bảy ngày, ở sau nói dùng thức ăn để thuê làm, chẳng phải đổi vật nên chỉ phạm việc tội, trước sau vô tội là không trao đổi.

Trong luận Tát-bà-đa câu đầu chỉ cho giới, hoặc ở sau là nói rõ, câu đầu nói có nhân không quả, sau nói không nhân có quả. Nói ở sau giải thích văn trước thí cho tăng, do thể vật dơ không cho tăng thọ, nên y cứ vào xả sám chung đó. Trong không phạm có ba.

Đầu tiên nói bốn chúng không phạm, nói không nên có cao thấp, y theo nên biết, cao thấp lẽ ra cũng phạm tội cát-la. Không được ở sau nói đổi tục sai người không phạm, nếu hối hận cho đổi lại, nghĩa là không đúng ý mình, luật tác pháp nên trả lại, nên y theo luật Thập Tụng bảy ngày về mình. Như ở sau ba pháp nói vật nhẹ không phạm. Trong giới số y cứ dùng liên ngoài, trước dẫn các văn bốn thứ thuộc đều phạm, y cứ giúp bên trong, ba pháp trên là dẫn văn, y theo sau y cứ về nghĩa không phạm. Pháp thượng y tức đều khai ở giữa, văn nói y cứ có là ý hiển bày không người tức khai có giới hạn. Trong luật Thập Tụng, ban đầu nói Tỳ-kheo tịnh ngữ tự đổi, do không được mới tìm tịnh nhân, do ông đã không dạy người tịnh ngữ (302). Trên nói khai mua, sau đây nói khai bán.

Giới thứ hai mươi mốt:

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị chứa nhiều vôi lấy sự chê bai, do đó Phật chế giới. Trong duyên phạm, thứ ba đúng như pháp thể, sắc, lượng cả ba đều phải nên dạy. Chữ đầu là mâm cổ độn phấn, đồng lấy bát trắng đều là phi pháp. Y theo luận Tát-bà-đa chứa chỉ phạm tội cát-la.

Thứ tư dẫn trong luật Thiện Kiến, nếu chưa trả lại thẳng thì không thành thọ, phạm cũng thuộc người khác, nếu tính giá liên mình và người cũng phạm, tức vật của mình, chỉ lược ở trong, tức tám thứ trước chuyển xuống, tướng chuyển, v.v... nghĩa đồng nên không nêu ra, rộng như trong số.

Giới thứ hai mươi hai:

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà bát bị bể xin chúng chứa nhiều, vôi lấy sự chê bai nên Phật chế. Y theo trong duyên, năm lần vá. Luật nói: tướng cách hai ngón tay ở giữa một lần (một, ngón tay của người bậc trung rộng một tấc, tức lấy gân mạch dài hai tấc, tức là một lần, năm lần vá cộng chung là một thước.

Xuyết là dùng chì, kẽm, v.v... phụ thêm, thời nay bỏ bát chứa chắc đọi vá, chỉ y cứ mạch vỡ đủ thước liền khai họ cầu, không chảy kết là duyên không đủ, sự ở sau chỉ trong số, văn ấy nói rộng pháp xả. Bản hành sự sao, bấy giờ đã không thực hành lại không dẫn nhiều, chỉ biết một bát đi nuôi sống, chớ cầu nhiều việc thì phù hợp lời bậc thánh dạy, không phạm tám duyên, năm lần chảy ở đây khai tội cát-la, tự có mua là trong giới chú giải làm, hoặc tự có giá chứa mua, văn tướng mới hiển, nghĩa là không theo người xin.

Giới thứ hai mươi ba:

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Nan-đà may y xin chỉ, đem nhiều chỉ khiến cho dệt tự làm, với lấy chề bai, do đó chế. Trong ý chế, bỏ pháp cú tìm cầu thế tục tham chứa hoại hạnh. Dứt chề bai như trong duyên giới có nói, duyên phạm thứ ba lại biết, người thuê không phạm chánh tội, khác với năm phần ở sau, trong giải thích duyên đầu. Trong Thập Tụng không có y xin sợi, tình buông lung nên phạm cát-la, tùy theo thiếu xin thẳng như ở sau đã khai. Trong luật Ngũ Phần thuê người y cứ theo tình kết tội đọa, theo duyên không đủ, nay y cứ nên phạm tội cát-la, giải thích trong thứ hai. Trên nói khai bà con, trong số chép: do duyên lìa tổn chề bai, nghĩa y theo bốn câu, hai câu đầu đều là bà con (không phạm như trên). 2/ Cả hai đều chẳng phải ba con. 3/ Cho chỉ là bà con, thợ dệt chẳng phải bà con (hai câu đều đọa). 4/ Cho sợi chẳng phải bà con, thợ dệt là ba con như ở sau kết tội cát-la. Cho trở xuống nói khinh phạm, xem dệt ở sau y theo luật hợp có tự dệt đẹp, trái lại bên trong, nghĩa là đem tơ ở xe trong đó không phạm. Khai cho tự dệt, trong số chép: chỉ vì mịn nhỏ lỗi không sâu, nên gây ra giận, đọa chẳng phải là không tổn.

Giới thứ hai mươi bốn:

Phật ngự tại nước Xá-vệ, cư sĩ đem sợi cho Bạt-nan-đà dệt y, Nan-đà bèn đến nhà họ chọn lấy sợi tốt cho thợ dệt, lại hứa cho giá, do đó bị chề bai nên Phật chế.

Lệ theo trong duyên thứ tư chính là nghiệp bốn thừa, hứa thẳng là giới bốn nói cho đến một bữa ăn. Trong luật Tứ Phần ở sau giải thích riêng thứ sáu, ở đây kết phương tiện. Trong luận Tát-bà-đa chép: giới trước nương thế sai dệt, làm thành phạm ngay, giới này tự cầu lãnh thọ liền kết.

Trong lời số hỏi: giới này tổn sợi, đâu có khác gì với một, hai cư sĩ ở trước?

Đáp: Trước mặt đối với chủ sớ, đây là khuyên riêng thợ dệt, nên cả hai đều chế. Trong không phạm, bà con và người xuất gia đều y cứ theo chủ sớ, nếu khuyên thợ dệt há không có lỗi nhỏ hay sao, hãy suy nghĩ đó.

Giới thứ hai mươi lăm: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà muốn đi cùng đệ tử Nan-đà, trước cho y sau không theo ý mình liền đoạt lại, do đó mà chế. Trong duyên, đầu tiên là duyên lựa chọn vị sau, y theo sớ chép: đoạt chỉ phạm cát-la, trong ba pháp có chung bốn câu, câu đầu giới chánh duyên đây, bốn pháp trở xuống hai câu quy về trước thuộc tội trộm, như ở sau thiếu một duyên cho nên nhẹ. Thứ năm y theo luật đoạt mà giấu là phạm, đoạt mà chưa giấu mắc tội cát-la, nghĩa là đoạt đối diện. Nếu chẳng phải đối diện đoạt lia chỗ thì phạm. Không phạm có tám, ban đầu khai khéo lấy, còn bảy pháp đều dùng chữ nhược chia ra. Người kia kết hối hận, nghĩa là tự biết liền trả lại, không đợi người khác xin. Mạng phạm là nhân gây ra nạn, đoạt lấy thì khỏi, một pháp ở sau tổng kết văn truyền hai lần xưa nay nghi ngờ, y theo giới chú giải: tất cả đoạt lấy không chứa nêu đều không phạm, cho nên luật đoạt chưa cất mới kết, nay nói không phạm, ý hiển bày các duyên đều có thể đoạt, không cần cất giấu, tức dùng lời này kết chung duyên trên, nên nói tất cả hoặc có thể không duyên, bên đoạt không che giấu nhưng kết không kết tội chánh, nên vào không phạm, thì đủ tám pháp trước khai thành chín.

Giới thứ hai mươi sáu:

Đức Phật ngự tại nước La-duyệt-kỳ, trước khai thuốc uống bảy ngày, đồ chúng Tất-lăng-già chứa nhiều tràn đầy, cho nên Phật chế. Chỉ cho trong rộng, lập nghĩa là nghĩa môn, lựa chọn tướng gia pháp được chăng? Thiên bốn thứ thuộc và văn nghĩa giới sớ rất rộng. Nay giải thích đại khái giới này, chỉ bày tên thể khiến cho biết tướng phạm. Nói bảy ngày y cứ vào pháp đều có phần chừng theo chừng hạn ngày đặt tên, thể thuốc kia trong bốn tông nói có năm thứ thuốc: đó là sữa, dầu, bơ sống, mật, đường phèn. Trong luật Tăng-kỳ khai ra là mỡ, đều là thể bảy ngày, là tướng phạm ở đây. Duyên phạm thứ nhất, dùng thủ pháp trong lỗi liền mất chẳng phải dài lâu, duyên kế do trước thủ thọ, miệng nói pháp mới thành gồm có hai thọ, trong bốn thứ thuốc lấy trị bệnh phần thể làm kỳ hạn. Ngoài ra không công nên đến bảy ngày, thuyết tịnh chứa, cho nên trái không nói tám ngày kết phạm. Năm pháp

không duyên trong luật sai cho người mất hoại, làm chẳng phải thuốc, ý bà con quên, v.v... các duyên đều không phạm. Trong không phạm, là đầu tiên quá bảy ngày tức ngày đầu thọ thuốc đến ngày thứ tám, gồm đủ các lỗi, tăng không được ăn, nên cho người làm vườn, ngày thứ bảy tức hai ngày thọ đã không cách đêm, khẩu pháp vẫn còn nên cho tăng ăn, cả ba chưa đủ tức ba ngày thọ đầu tiên được sáu ngày, hạn cuộc pháp không qua lý được thuyết tịnh, nhưng tùy theo nhân phạm không còn nghĩa uống, chỉ được dùng bên ngoài. Ban đầu là năng nhiễm, hai thứ sau là sở nhiễm, nên chia ra ba thứ khác nhau, y cứ theo đây pháp phạm sám xả thuốc mà thuộc về khai thông, do xả dùng pháp thừa đều phạm cát-la, đây là khai tội nhỏ xếp nên vào không phạm.

Giới thứ hai mươi bảy:

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-xá Khư Mẫn cúng thí áo tẩm, được Phật khen ngợi, nhóm tỳ-kheo sáu vị thường cầu xin nên Phật chế. Trong danh cầu dùng có hạn, hai pháp dư trước đều gọi là lỗi, trong duyên phạm, tướng phạm đã khác nên phải nêu bày từng việc, trong pháp dùng quá hạn trong thời thứ hai là y theo đây. Nếu phạm lỗi trước câu thì không phạm lỗi trước dùng. Trong luận Tát-bà-đa chỉ phạm cát-la. Trong ba pháp hoặc chỉ thọ chứa, hoặc đồng chúng thọ, như ở sau chú giải hiển rõ, khoa đầu trong phần hiển rộng.

Đầu tiên chỉ bày y thể, trong luận trở xuống nói hai hạng, mười món y như trong hai y, trong thọ dụng. Trong Tăng-kỳ nêu bày sáu pháp chế.

1- Không được may ba y, vốn là y phi pháp (duyên gấp nên được). Không tịnh thí thì chẳng phải dư (hai pháp trên đều y cứ theo thời nội, như ở sau trong Ngũ Phần quá thời phải thọ thuyết). Không bỏ xuống sông là sợ dễ hoại, ở sau nói cũng khai chất dơ, mưa nhỏ không dùng là thành tẩm, không lỏa thân, mặc sợ dính đó, Xá-lặc, Phạm Ngũ Cự Ký chép: loại quần ngắn trong Tỳ-nại-da nói là Nê-hoàn tăng, ngoài ra y cũ như các loại vải áo lót bên trong.

Không mặc làm việc chẳng phải bốn khai, cho làm được ngăn, không tổn hoại. Trong tướng y, chỉ xưa nói tượng gỗ người rớt. Nay ở sau hiển rõ chỗ sai, dẫn trong văn. Trong luật Tăng-kỳ nói mặc tẩm càng rõ nghĩa trên; Dịch là chất nước dơ. Trong luận Tát-bà-đa đầu tiên nói cầu làm. Trong luận ấy chép: từ ba tháng rưỡi đến ba tháng đều phải làm, nếu được thành y bốn tháng một ngày nên chứa (chứa là dùng) nếu không thành y cho đến bốn tháng rưỡi cho cầu cho làm, nên nói là cho

đến cũng vậy, v.v...

Lại nói: lập ba tháng mười sáu ngày được, một hai ngày liền thành cũng được chứa dùm. Y theo tông nay chánh phạm bộ giới sau chấp có khác, không thể hòa hợp nên biết. Cầu chung một tháng hạn dùm nửa tháng, không thể xen lẫn.

Kế là nói pháp chứa, đầu tiên nói bốn khai, dư ở sau nói lượng y. Trong luật Tứ Phần nói dai sáu ngón tay là đồng với luận kia, rộng hai ngón tay rưỡi thì năm thước, do hạ trở xuống nói ý khai, đã thành hộ y nên được che mưa không chỉ mặc tấm. Ở đây tấm trở xuống là giải thích ngăn, e rằng y phục tấm sao đem che mưa, nên ở đây giải thích, nếu y cứ giới ngày nay gọi là y tấm mưa, nghĩa là mặc tấm trong mưa, đây thời giới bốn gọi là gồm dùm hạn cuộc. Trong Tát-bà-đa gọi là dùm hạn cuộc. Trong Tăng-kỳ không cho dùm chung khác, hơi khác với luận, nếu mặc trở xuống không dùm chánh y phương tiện khỏi lỗi, trong pháp xả, trước dẫn hai luật nói chế xả, ở sau dẫn trong luật Tăng-kỳ pháp xả, vẫn không có pháp thọ, nên chú giải y theo, chỉ đổi chữ Thọ là khác, không được mười sáu cho vào Đông phần. Không phạm có bốn, ban đầu khai đủ hạn cuộc không xả kết, hai pháp mặc áo tấm này y theo không phạm nói về không phạm. Giặt nêu hai duyên khai thông dùm cát-la.

Giới thứ hai mươi tám:

Đức Phật ngự tại Tỳ-lan-nhã cho thọ y hạ, nhóm tỳ-kheo sáu vị thọ nhiều, sau an cư ở Xá-vệ, đại thần vì an cư cúng thí, do khai mà chế. Trong tên giới, thí chủ vốn vì an cư, nên cúng thí, chợt có duyên gặp không kịp hạ xong chuẩn bị trước đem cúng thí, Đức Phật khai an cư chưa xong trong mười ngày được thọ, nên có hai lỗi, như duyên đã giải thích trong văn chú giải lựa chọn lẫn lộn.

Trong sơ chép: không đồng với áo mưa, một việc mà sinh hai, vì thọ dụng tuy khác nhưng đồng là áo mưa, lỗi của giới này trước phạm do thọ thí, tội sau y cứ chứa dư, nên nói không đồng, lệ theo duyên có hai. Trong lỗi trước, duyên đầu tiên giải thích ý khai thí gấp. Trong ba pháp tự tứ còn mười ngày tức bảy ngày, sáu ngày đầu về sau được thọ, ông trước thọ ngay gọi là hơn trước, bốn pháp vô duyên luật không phạm, nếu y bị cướp, bị mất thì lấy trước không phạm, lỗi ở sau chặng giữa, duyên thứ ba không phạm y theo đó mà biết, trước sau xen nhau không phạm. Trong thứ tư, luật nói: Nếu Tỳ-kheo gởi y đi xa đường thủy, đường bộ, đoạn đường quá xa không phạm. Thứ năm, nếu ngày

sáu tháng bảy thọ đến ngày mười lăm tháng tám tức là nói không nói ngày mười sáu phạm (nếu thọ đức y đến ngày mười lăm tháng mười hai thuyết tịnh, ở sau tăng thêm y theo mới) bảy ngày đầu thọ là trước giảm một ngày sau thêm một ngày (ngày mười sáu tháng tám dù thuyết tịnh hay không thuyết, ngày mười bảy phạm). Như vậy cho đến ngày mười lăm thọ trước giảm chín ngày, sau thêm chín ngày (ngày hai mươi bốn tháng tám thuyết tịnh hay không thuyết tịnh đều nói ngày phạm), đây gọi là thứ lớp thêm.

Khoa kế chỉ rộng, nay lại rút ra chỉ bày tướng thời, phi thời, sau hạ một tháng, năm tháng gọi là Thời. Đầu tiên nói là thời y, phi thời mà thọ, nên đối với ngoại thời lại khai mười ngày (tức thí gấp) giữa thời thọ y, vốn chẳng phải thí gấp nên không ngoại khai (ngày mười sáu trở đi đã được y hạ).

2- Phi thời thọ y: vượt vào giữa mười ngày phải nói (hạ chưa xong được y phi thời vào giữa thời (hạn đủ phải thuyết)).

3- Trong thời được y, chẳng phải an cư thí cúng, y lợi rộng nên cũng đồng một tháng, năm tháng khai cho.

4- Nói y hy-na năm tháng có thể thuộc một tháng đồng là thời.

5- Giữa một tháng không thuộc mười ngày, thời phi thời khác nhau nên lược biết như đây.

Giới thứ hai mươi chín:

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo ở lan-nhã bị giặc cướp vật, Phật cho gọi ở nhà trong thôn, nhóm Tỳ-kheo sáu vị gọi y đi du hành, do đó mà chế, gọi là ở giữa có nạn, chẳng an tịnh, Lan-nhã nêu bày khác giới trước, ở đây cho rằng Tỳ-kheo ở chỗ hoang vắng sợ giặc cướp y, Phật khai ở thôn xóm, thân ở Lan-nhã, không lo bị cướp bị mất.

Trong duyên thứ hai, luật nói: sau nửa tháng tám, năm pháp vô duyên như tướng y bị cướp, bị mất, v.v... đường bộ bị nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... ngăn ngại gặp y không kịp, đái khái đồng với giới trước.

Giải thích trong pháp thứ ba, luật Thập Tụng nói nghi sơ đều cho rằng nêu nhẹ để rõ nặng.

Trong pháp thứ tư có thể nghi ngờ, tức người trộm cắp chú giải hiển rõ có thể thấy. Trong một pháp, luật Ngũ Phần nói khai chế, ở sau hiển rõ ý chế, kể nói hai duyên, dẫn trong các bộ. Luật Tăng-kỳ khai hạ không đồng với Tứ Phần, Ngũ Phần, hậu an cư xong thì đồng với tông này, mười ngày một phen xem ở giữa chế. Trong luật Thiện Kiến nói

trong tầng phường không thể không có Lan-nhã, nên không là được gọi chánh duyên khai nên sáu đêm, một phen xem khác với Ngũ Phần ở trên, tổng kết trên đến dưới.

Đầu tiên chỉ bày duyên sợ vô hạn, ba bộ đã đồng, phải ở sau nói khai riêng sáu đêm, như ở sau sẽ dẫn. Trong bác bỏ xưa, đầu tiên là nói về khai duyên, tức trước chú dẫn đầu tiên là bốn khai, không làm ngày hạn đồng với các bộ trên, ở sau trở xuống, tức là khai lại cho đến sáu đêm, đồng với các văn sau.

Tỳ-kheo ở xóm làng tức là nhóm tỳ-kheo sáu vị, không hiểu rõ duyên tướng, tuy khai sáu đêm không nói các duyên như tháp tăng, v.v... Tổ sư vọng chấp trong sơ chép: xưa nay các sư tìm văn không rõ e sợ cho nên khai sáu đêm. Nay y cứ theo văn giới bốn tướng tự phân, trước là nạn duyên (giới bốn từ ban đầu đến để ở nhà trong thôn là duyên sợ hãi) sau là duyên riêng và có duyên sư là duyên sáu đêm).

Hỏi: Nay chỗ sợ hãi nếu không có ngày chừng hạn cùng duyên ở trên nêu làm sao thông hội?

Đáp: Nói lan-nhã sợ giặc cũng chỉ sáu đêm, nếu vậy vì sao trong sơ sao nói lan-nhã giặc cướp khống chế ngày hạn.

Hỏi: Đây là bốn khai sau nhân khởi qua hai duyên đồng chế, nếu vậy khác với Cổ sư chỗ nào?

Đáp: Cổ sư không nói giới bốn đều nêu hai duyên, nên bác bỏ (y theo giới bốn lập lại hai duyên trước cho đến ở sau đều kết hai duyên phạm). Y theo đó biết chặng giữa ban đầu nêu bày, năm pháp ở sau dẫn văn, trong năm phần ban đầu chỉ duyên sợ, lại ở sau chỉ bày duyên khác nhau, tức Tam bảo hai thầy và việc khác, nghĩa là mạng lệnh đạo tục, v.v...

Lời sơ dẫn trong luật Tăng-kỳ, cho đến việc đoạn cũng khai ra sáu đêm, hiểu luận nghe pháp cho nên khai. Nói bảy ngày trở lại lấy là đem trả lại lan-nhã, hoặc ở trong thôn do một đêm ở trong đó.

Hỏi: Trước đó Tỳ-kheo ở xóm làng khởi lỗi nên khai là khai xóm làng phải không?

Đáp: Duyên nhân xóm làng, khai chỉ có lan-nhã, hiểu luận nói chứng há lại nghi sao?

Trong pháp không phạm ban đầu, chỉ bày ngày hạn như ở sau nói đến hội có bốn:

1- Y cứ vào hoãn lại (thong thả).

2- Có tình nhiễm hai ngại, trong chủ giải chỉ nói nhiễm ngại, y theo trước bao gồm.

- 3- Tẩu chạy vừa đến phần thế, ắt y theo cỡi không có ba ngại.
4- Cách ngại: ngoài ra phạm thọ y mất có tội, không tội, đều đồng với giải thích trước nên gồm chỉ.
Hỏi: ở đây và với giới trước gần như khác nhau? Đáp: Một tụ lạc, Lan-nhã có hai chỗ.
2- Có nghi, không nghi. 3- Một đêm, sáu đêm.
4- Trước do duyên bệnh, đây chỉ là nạn giặc. 5- Trước chung cho ba đời, ở đây trừ phần hạ.
6- Trước khai Yết-ma, ở đây chỉ thẳng lìa, phân biệt như vậy.

Giới thứ ba mươi:

Phật ngự tại Xá-vệ, cư sĩ trai tăng cúng thí y, Bạt-nan-đà nghe vậy nói: cúng cho tăng nhiều rồi nay hãy cúng cho tôi, do đó mà Phật chế giới. Giới danh số chép: cho tăng nhiều vật, đối với mình có lẫn lộn, trở lại cho xứng tâm vui vì cố chế, vật của Phật pháp không lẫn lộn, nghĩa ít tuy lại chế nhẹ. Giải thích duyên đầu tiên ba loại văn chủ giái rất rõ, hai pháp trước ngay giới nhẹ nặng chia ra khác nhau. Thứ ba thuộc về trộm.

Câu trên lặp lại, hai câu dưới bày tướng, giải thích văn ban đầu thứ ba. Trong luật Tăng-kỳ, có năm loại, đối đáp người học phải nương, đâu chỉ lìa tội, rất là rộng lớn, hề nghe thấy cúng thí cho ai không động lòng, không biết dạy chế phân nhiều đã thuộc về mình. Tham lam bôn sển không khác hạ lưu, nghiệp ác chứa sâu rốt cuộc quy về đường khác. Thấy lời dạy của bậc thánh đây há không có phần hoại, trong văn được thọ không tội chẳng phải quanh co. Khoa kế văn nên bày năm tướng, đều chẳng phải mình, tội đều đưa xuống đã thừa nhận, tuy khác nhau chỉ là tạm chỉ bày tâm thì chưa quyết như chú giải đã hiển, tùy theo trước phạm, văn thấy ở khoa sau.

Trong luật Tăng-kỳ nói lỗi chứa vật, chẳng phải người y cứ đồng, phải trở lại quyết cúng thí, tùy cảnh thành trộm. Trong ba pháp, đầu tiên trả lại vật của tăng, tài pháp kết hối do không thuộc về mình nên không thành đọa. Lại tức trở về tăng, lại chẳng phải thành nặng, về sau lại người và vật có khác nhau, y theo ở sau quyết nghĩa, vượt thứ lớp tức đồng khác nhau, ba tướng không phạm, hai pháp trên y cứ vào tâm tốt xấu, y cứ vào vật, trong luật lại có cho phép ít khuyên nhiều (là cho phép vật Tăng ít khuyên khiến cho thêm nhiều) cho phép ít người khuyên nhiều người, hoặc nói đùa, nói lầm, v.v... nên nói tất cả.